

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 7510205

Quảng Ninh, tháng 12/2024

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo	1
1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường DHCNQN).....	1
1.3. Giới thiệu về Khoa Cơ khí - Động lực	5
II. SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH.....	9
2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật ô tô	9
2.2. Lý do mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật ô tô.....	10
2.2.1. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	10
2.2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế.....	11
2.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô.	14
III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	15
3.1. Chương trình đào tạo	15
3.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	15
3.1.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	15
3.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	16
3.1.4. Tuyển sinh, chuẩn đầu vào và điều kiện tốt nghiệp	19
3.1.5. Phương thức đánh giá.....	19
3.1.6. Khung Chương trình đào tạo	20
3.2. Kế hoạch đào tạo	23
3.3. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo	25
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	26
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu.....	26
4.1.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng CTĐT	27
4.1.2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu tổ chức thực hiện CTĐT, giảng dạy các học phần	33
4.1.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo	43
4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên.....	44
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	44
5.1. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	44
5.2. Hợp tác quốc tế.....	59
5.3. Hợp tác doanh nghiệp.....	60
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	61
6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo.....	61
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở	61
VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	61
7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh	61
7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro	62
VIII. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN	62

PHỤ LỤC

TT	Danh mục minh chứng	Ghi chú
1	Nghị quyết của Hội đồng Trường ĐHCNQN phê duyệt đề án mở ngành đào tạo	
2	Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng thẩm định đề án	
3	Biên bản thẩm định, thông qua đề án mở ngành của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHCNQN	
4	Hồ sơ phê duyệt chủ trương mở ngành gồm	
	+ Báo cáo khảo sát chuyên gia	
	+ Tờ trình	
	+ Nghị quyết của Hội đồng Trường ĐHCNQN phê duyệt chủ trương mở ngành	
5	Báo cáo khảo sát nhu cầu xã hội đối với ngành đào tạo dự kiến mở	
6	Hồ sơ liên quan xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT	
	+ Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành và Hội đồng xây dựng CTĐT	
	+ Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT	
	+ Biên bản thẩm định của hội đồng thẩm định CTĐT	
	+ Quyết định ban hành CTĐT	
	+ Chương trình đào tạo đã được phê duyệt	
	+ Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học	
7	Biên bản kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành	
8	Đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học	
	+ Danh sách đội ngũ giảng viên và nhà khoa học (mẫu 01 và 02)	
	+ Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động	
	+ Bản sao văn bằng chứng chỉ	
	+ Lý lịch Khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.	
	+ Danh sách Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa (mẫu 03)	
	+ Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở (mẫu 04, 05) và các minh chứng kèm theo	
9	Cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành thực tập thực hiện chương trình đào tạo (mẫu 06, 07, 08)	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Tên bảng	Nội dung	Trang
Bảng 1.1.	Tổng số khoa và CTĐT của Trường ĐHCNQN	3
Bảng 1.2.	Cơ cấu tổ chức của đơn vị	6
Bảng 1.3.	Danh sách các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa và các tổ chức chuyên môn đoàn thể	8
Bảng 2.1.	Nhu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế chính 2021-2030	10
Bảng 3.1.	Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	18
Bảng 4.1.	Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo	28
Bảng 4.2.	Danh sách các giảng viên giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo	31
Bảng 4.3.	Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo	44
Bảng 5.1.	Diện tích phòng học phòng học, phòng làm việc, thư viện, Phòng TH-TN	51
Bảng 5.2.	Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở	53
Bảng 5.3.	Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở	59
Bảng 6.1.	Danh sách các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa	69

**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ**

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

Tên ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật ô tô**

Mã ngành: **7510205**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1.2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường ĐHCNQN)

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trường ĐHCNQN) trực thuộc Bộ Công Thương, tiền thân là Trường Trung học Kỹ thuật Mỏ, được thành lập ngày 25/11/1958 theo Quyết định số 1630/BCN của Bộ Công nghiệp, địa điểm thành lập tại thị xã Hồng Gai (nay là thành phố Hạ Long - Quảng Ninh). Sau những năm tháng phấn đấu xây dựng và phát triển, ngày 24/7/1996 tại Quyết định số 479/TTg của Thủ tướng Chính phủ đã nâng cấp trường thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỏ. Trước những nhu cầu phát triển của đất nước, sự lớn mạnh của Nhà trường, ngày 25/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1730/2007-QĐ-TTg, Quyết định thành lập Trường ĐHCNQN trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng kỹ thuật Mỏ. Trải qua hơn 63 năm xây dựng và phát triển, với truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn và luôn được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương, Nhà trường đã và đang từng bước phát triển ổn định, chất lượng đào tạo được xã hội thừa nhận; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của CBVC được duy trì ổn định và cải thiện. Nhiều thế hệ cử nhân, kỹ sư được đào tạo từ Trường ĐHCNQN đã trở thành những CB khoa học, CB quản lý có chuyên môn cao phục vụ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước.

Thông tin chung về Nhà trường:

Tên Tiếng Việt: Trường ĐHCNQN

Tên Tiếng Anh: Quang Ninh University of Industry

Tên viết tắt của CSGD:

Tiếng Việt: ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

Tiếng Anh: QUI

Bộ chủ quản: Bộ Công Thương

Địa chỉ: Cơ sở 1: Phường Yên Thọ - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh

Cơ sở 2: Phường Minh Thành - Thị xã Quảng Yên - Tỉnh Quảng Ninh

Thông tin liên hệ: Điện thoại: 02033.871292

E-mail: dhcnqn@qui.edu.vn

Website: <http://qui.edu.vn>

Loại hình trường: Công lập

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

Sứ mạng:

Là một trung tâm đào tạo ĐH, sau ĐH cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; là trung tâm NCKH và CGCN về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Tầm nhìn:

Đến năm 2035, Trường ĐHCNQN trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng.

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHCNQN: là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: Liêm chính - Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo, trong đó:

Liêm chính: Trường ĐHCNQN tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị ĐH. Công khai và thực hiện nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, CBVC của Nhà trường, cộng đồng và xã hội.

Đoàn kết: Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển của Nhà trường; luôn sẵn sàng hợp tác trong công việc, chia sẻ nguồn lực, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Mạng lưới cựu người học và các đối tác luôn là một phần gắn bó chặt chẽ của Trường.

Trách nhiệm: Các thành viên của Trường ĐHCNQN luôn suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường. Hết mình vì sự nghiệp chung là nhận thức căn bản của mỗi thành viên Trường ĐHCNQN.

Sáng tạo: Xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho CB, GV, người học được tự do sáng tạo, phát triển tư duy; Tôn trọng các ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học; Giữ vững và phát huy vai trò đi đầu trong đổi mới và sáng tạo.

Để tạo lập được những giá trị cốt lõi đó, tập thể CBVC, người lao động trong toàn trường cần luôn tuân thủ triết lý giáo dục: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công".

Đây là tư tưởng có tính chất kim chỉ nam, định hướng mọi hành động, hoạt động giáo dục của Nhà trường, là quan niệm nền tảng mà toàn thể đội ngũ CBVC và người học luôn cần tuân theo để đạt mục tiêu đào tạo, để người học đạt CDR của ngành học, sau khi tốt nghiệp thành công trong cuộc sống; để Nhà trường hoàn thành sứ mạng được giao, đạt được tầm nhìn mong muốn.

Tóm tắt thành tích đạt được

Qua hơn 63 năm thành lập và phát triển, với sự phấn đấu liên tục, không ngừng trong 63 năm qua của các thế hệ CB, GV, Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công Thương, UBND tỉnh Quảng Ninh tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

01 Huân chương Độc lập hạng Nhất

01 Huân chương Độc lập hạng Hai

01 Huân chương Độc lập hạng Ba

01 Huân chương Lao động hạng Nhất

01 Huân chương Lao động hạng Nhì

02 Huân chương Lao động hạng Ba

01 Huân chương kháng chiến hạng Ba

Cờ thưởng luân lưu của Hội đồng Bộ trưởng, Cờ Nguyễn Văn Trỗi của Trung ương Đoàn,

02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhiều bằng khen của cấp Bộ, Tỉnh và tương đương, nhiều năm liền được công nhận là trường Tiên tiến xuất sắc của Bộ, Tỉnh và nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương.

Bảng 1.1: Tổng số khoa và CTĐT của Trường ĐHCNQN

TT	Khoa đào tạo	Số CTĐT ĐH	Số CTĐT Sau ĐH
1	Khoa Cơ khí động lực	2	
2	Khoa CNTT	1	
3	Khoa Điện	2	1
4	Khoa Khoa học cơ bản	0	
5	Khoa Kinh tế	3	
6	Khoa Mỏ - Công trình	3	1
	Cộng	11	2

Thành tích nổi bật trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trường ĐHCNQN qua hơn 10 năm đào tạo ĐH đã không ngừng nỗ lực mở rộng quy mô và ngành nghề đào tạo nhân lực, đẩy mạnh hoạt động NCKH. Trường xác định nhiệm vụ cơ bản là ĐT, NCKH & PVCD.

Thành tích nổi bật trong đào tạo, NCKH

Trường ĐHCNQN áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2012. Hiện nay, Trường có 02 chuyên ngành đào tạo bậc Thạc sĩ, 29 chuyên ngành đào tạo bậc ĐH. Trường ĐHCNQN đã và đang thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế của nền kinh tế thị trường và đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như đổi mới CTĐT và phương pháp giảng dạy. Trường chú trọng bồi dưỡng cho người học khả năng tư duy, sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng mềm,

năng lực làm việc theo nhóm và năng lực lãnh đạo. Việc trang bị kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm cho người học luôn được chú trọng.

Trong hơn 63 năm qua, Nhà trường đào tạo hàng nghìn kỹ sư cho các mỏ ở khu vực Quảng Ninh cũng như các vùng miền trên cả nước. Chất lượng người học tốt nghiệp được các cơ quan tuyển dụng lao động, các trường ĐH, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp trong nước đánh giá tốt.

Nhà trường thành lập HDKH đào tạo và Phòng Khoa học công nghệ và quan hệ quốc tế (KHCHN&QHQT) để định hướng và tổ chức thực hiện các đề tài, dự án NCKH, hội thảo khoa học các cấp, đóng góp thiết thực cho đào tạo và nâng cao vị thế của Nhà trường. Trường chú trọng đầu tư vào các đề tài NCKH gắn liền với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu về đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ vào các vấn đề nghiên cứu công nghệ phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy của GV và học tập của người học. Trường cũng chú trọng đến vấn đề CGCN, ứng dụng những đề tài, kết quả NCKH của CBVC, GV và người học vào thực tiễn.

Trong giai đoạn từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, Trường có 55 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế; có 527 bài báo đăng tạp chí trong nước. Đối với đề tài cấp Bộ và tương đương, Trường có 11 đề tài; đối với đề tài cấp cơ sở và tương đương, Trường có 79 đề tài; đề tài cấp sinh viên có 132 đề tài.

Trường cũng đã được Cục trưởng cục Báo chí cấp giấy phép xuất bản đối với Bản tin Khoa học và Công nghệ QUI Trường ĐHCNQN theo Giấy phép số 70/GP-XBBT cấp ngày 13/10/2020;

Hoạt động HTQT của Trường ĐHCNQN luôn được chú trọng và mở rộng, phát triển. Đến nay, trường đã thiết lập quan hệ hợp tác, liên kết đào tạo và làm việc với trường như: ĐH Hoa Bắc, ĐH Kỹ thuật công trình Liêu Ninh, ĐH Sư phạm Quảng Tây (Trung Quốc), Trường Cao đẳng công nghệ và quản lý Bouthviset - Lào, ĐH Dongseo - Hàn Quốc ... Thông qua các buổi gặp gỡ và làm việc cùng với đoàn đại biểu nước ngoài, Nhà trường tiếp tục thiết lập thêm nhiều mối quan hệ, trong đó quan tâm chú trọng đến các đối tác có uy tín, phù hợp với mục tiêu và hướng phát triển của Nhà trường trong các lĩnh vực đào tạo và NCKH.

Phục vụ Cộng đồng

Cùng với hoạt động đào tạo, HTQT, Trường ĐHCNQN chú trọng công tác kết nối và phục vụ cộng đồng. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả thông qua công tác tuyên truyền các ngày kỷ niệm lớn trong năm, các đợt sinh hoạt chính trị đầu năm.

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (KNPVCD) được Nhà trường triển khai trên nhiều lĩnh vực như đào tạo; NCKH và CGCN; các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, thông tin; tổ chức các hoạt động kết nối hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội địa phương; các hoạt động nhân đạo, từ thiện; tăng cường năng lực và hỗ trợ khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp; tham gia nhiều hoạt động tình nguyện như trong “Tuần sinh hoạt công dân”, trong các buổi sinh hoạt chủ đề như thực hiện

cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tổ chức cho người học tham gia chiến dịch tình nguyện ”Mùa hè xanh” hàng năm, “Xuân yêu thương”, phong trào “Tháng Thanh niên”, hoạt động ”Hiến máu nhân đạo”. ĐTN tổ chức Hội sách, thi hùng biện tiếng Anh...

Các chương trình hoạt động vì cộng đồng của Công đoàn trường ĐHCNQN trong những năm vừa qua: Công đoàn Trường là tổ chức chăm lo cho đời sống của CBVC trong toàn trường. Công đoàn Trường là tổ chức kết nối với các hoạt động thiện nguyện của công đoàn viên với cộng đồng. Tổ chức cho các CBVC trong toàn trường tham gia các hoạt động cộng đồng: Tổ chức, phối hợp tổ chức, tham gia hội thao, hội diễn của Nhà trường và của các cấp tại địa phương. Công đoàn cũng là đầu mối trong các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT (cơ bản và nâng cao) đạt chuẩn kỹ năng CNTT được quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT cho nhiều khoá cho nhiều đối tượng khác nhau (công an, công chức, viên chức, sinh viên...) trên địa bàn Quảng Ninh.

Những hoạt động trên thể hiện vai trò, trách nhiệm của Nhà trường trong việc đáp ứng yêu cầu của xã hội, vì lợi ích chung của cộng đồng, góp phần phát triển đời sống vật chất và tinh thần cho cộng đồng; đồng thời mang lại cơ hội học tập, nghiên cứu cho sinh viên và GV bên ngoài lớp học, giúp sinh viên thể hiện được những kiến thức đã được học và phát triển nhân cách người học. Đồng thời, các hoạt động KNPVCĐ trong thời gian qua đã góp phần khẳng định thương hiệu, chất lượng và giá trị của Trường đối với xã hội.

1.3. Giới thiệu về Khoa Cơ khí - Động lực

Tên đơn vị: KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Địa điểm trụ sở chính: Tầng 1 - Nhà B - Trường ĐHCNQN, khu Thọ Sơn, phường Yên Thọ - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0868595686; Fax: 033.3871.092; Email: khoackdl@qui.edu.vn

Quá trình thành lập:

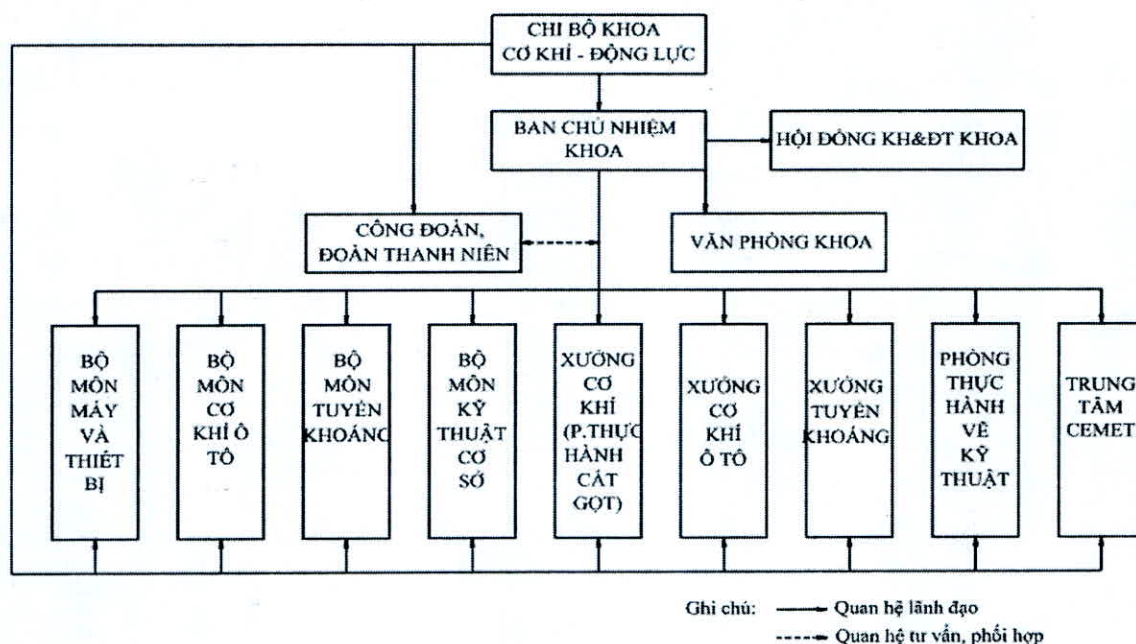
Khoa Cơ khí - Động lực (CKĐL) được thành lập ngày 01/9/2005 với 02 bộ môn ban đầu là Bộ môn Cơ kỹ thuật (tách từ khoa Cơ bản - Cơ sở) và Bộ môn Tuyển khoáng (tách từ khoa Cơ điện - Tuyển khoáng). Thời điểm thành lập tổng số cán bộ giáo viên có 13 người trong đó có 02 thạc sĩ, 10 kỹ sư và 01 cử nhân cao đẳng. Trải qua quá trình gần 20 năm không ngừng phát triển cho đến nay khoa có 04 bộ môn chuyên môn: Bộ môn Máy và thiết bị, Bộ môn Cơ khí ô tô, Bộ môn Tuyển khoáng, và Bộ môn Kỹ thuật cơ sở, tổng số cán bộ, giảng viên hiện tại là 28 người (11 kiêm nhiệm), chủ nhiệm khoa là Tiến sĩ Lê Quý Chiến, cùng với 05 Tiến sĩ và 23 thạc sĩ với trình độ học vấn cao, chuyên môn nghiệp vụ vững, được rèn luyện qua thực tiễn; có bản lĩnh chính trị cao, tuyệt đối trung thành với chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có lối sống giản dị, lành mạnh, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần xây dựng và ý chí

phần đầu cao,... Vì vậy, khoa Cơ khí - động lực luôn là một khối đoàn kết, thống nhất trong ý chí và hành động nhằm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ “*cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao cho xã hội, nhất là các sản phẩm về Cơ khí - động lực*”, đưa khoa Cơ khí động lực trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín trong nhà trường, từng bước khẳng định vị trí ở trong trường và khu vực.

Cơ cấu tổ chức của đơn vị:

Hiện nay, khoa Cơ khí động lực có 17 cán bộ, viên chức cơ hữu và 11 cán bộ, viên chức kiêm nhiệm. Với cơ cấu tổ chức của đơn vị như bảng sau:

Bảng 1.2: Cơ cấu tổ chức của đơn vị



Chức năng, nhiệm vụ được giao

Chức năng

Khoa đào tạo chuyên môn là đơn vị quản lý cơ sở có chức năng tổ chức và quản lý toàn bộ hoạt động đào tạo chuyên môn theo mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo của ngành học, môn học được giao; tổ chức công tác nghiên cứu thực nghiệm khoa học thuộc ngành nghề được giao.

Nhiệm vụ

1. Tham gia đề xuất với Giám hiệu các quan điểm, giải pháp về xây dựng và phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý Nhà trường.

2. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch đào tạo; điều hành bộ môn phân công giảng viên giảng dạy những học phần, môn học, những chuyên ngành được giao; tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục và đào tạo khác trong chương trình, kế hoạch đào tạo chung của Trường.

3. Chủ trì tổ chức thực hiện quá trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập, tiến độ giảng dạy; thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của giảng viên và học tập của HSSV theo quy định chung của Trường.

4. Chỉ đạo các bộ môn tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy theo quy định; tổ chức nghiên cứu, cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập.

5. Tổng hợp số liệu giảng dạy, học tập, rèn luyện; quản lý và đánh giá toàn diện chất lượng công tác đào tạo trong phạm vi Khoa đảm nhiệm; phân tích chất lượng đào tạo, đề ra biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Khoa.

6. Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ, sáng kiến cải tiến cấp khoa và cấp trường; chủ động tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ trở lên, dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất và đời sống xã hội.

7. Tổ chức quản lý giảng viên, viên chức và HSSV thuộc Khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng; quản lý cơ sở vật chất được giao; lập và tổ chức thực hiện kế hoạch nâng cấp, bảo trì thiết bị dạy học, phòng thực hành, thực tập, thí nghiệm và thực nghiệm khoa học.

8. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và viên chức thuộc Khoa; thực hiện công tác bồi dưỡng kèm cặp giảng viên mới.

9. Chỉ đạo xây dựng tài liệu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, bài tập, phân tích đánh giá và cải tiến hàng năm.

10. Công tác quản lý và giáo dục học sinh sinh viên

a. Tổ chức thực hiện công tác quản lý và giáo dục HSSV thuộc Khoa, bố trí giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, chỉ đạo bầu cán bộ lớp, hướng dẫn các lớp xây dựng và thực hiện chương trình hoạt động của lớp theo quy định; bồi dưỡng cán bộ lớp; theo dõi hoạt động, đề nghị khen thưởng hoặc kỷ luật HSSV;

b. Tổng hợp các vấn đề quản lý HSSV của Khoa đảm bảo phát huy quyền dân chủ của HSSV; chỉ đạo các bộ môn thực hiện giáo dục HSSV theo đặc thù và truyền thống ngành nghề, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội quy của Khoa và của Nhà trường;

c. Nghiên cứu hồ sơ đề xuất ý kiến đề nghị Nhà trường quyết định cho HSSV được thôi học, buộc thôi học hay đình chỉ học tập tùy thuộc từng đối tượng và từng vụ việc cụ thể;

d. Duy trì tổ chức phân loại kết quả học tập và rèn luyện của HSSV trong Khoa để có biện pháp giáo dục theo trọng tâm của từng thời kỳ;

e. Chỉ đạo công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của công tác quản lý HSSV thuộc Khoa quản lý;

f. Quyết định những vấn đề quản lý HSSV theo phân cấp của Trường;

g. Tổ chức, theo dõi, đánh giá phong trào thi đua của HSSV trong khoa về học tập, văn thể, rèn luyện đạo đức;

11. Tổ chức đăng ký và thực hiện các phong trào thi đua do Trường tổ chức.

12. Tổ chức hoạt động phong trào văn thể trong Khoa và tham gia các phong trào văn thể của trường để nâng cao đời sống tinh thần cho viên chức và HSSV, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

13. Thực hiện công tác giáo dục bồi dưỡng trong đơn vị về tư tưởng, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức lao động khoa học, đảm bảo thực hiện kỷ luật lao động chặt chẽ.

14. Quản lý tài sản và trang thiết bị được Nhà trường giao; quản lý và lưu trữ các hồ sơ và tài liệu chuyên môn theo quy định chung.

15. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất.

16. Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Hiệu trưởng giao.

Xây dựng đội ngũ cán bộ:

▪ Qua quá trình xây dựng và phát triển với nhiều giai đoạn, đến nay (2024) Khoa Cơ khí - Động lực đã có 28 cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm. Hiện nay, đội ngũ cán bộ của khoa gồm có: 05 Tiến sĩ, 23 Thạc sĩ.

▪ Các cán bộ giảng dạy đều là những thầy cô giáo có năng lực và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo.

Thành tích trong đào tạo:

▪ Khoa Cơ khí - Động lực đã đào tạo trên 800 Cử nhân, kỹ sư các ngành Công nghệ Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật tuyển khoáng.

Thành tích nghiên cứu khoa học:

- Trên 150 bài báo (báo cáo khoa học tham gia tại Hội nghị khoa học toàn quốc về lĩnh vực Cơ khí, Ô tô, tuyển khoáng, bài báo đăng tại các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước...);

- Số đề tài đã và đang thực hiện trong 15 năm gần đây: Đề tài cấp nhà nước; Đề tài cấp bộ, cấp tỉnh và đề tài cấp trường GV: trên **50 đề tài**; đề tài SV: Trên **100 ĐT**;

- Giải pháp sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh: **04 giải pháp** (1 nhì; 3 khuyến khích);

- Giải Thiết bị dạy học tự làm cấp tỉnh: **01 thiết bị** (giải 3) .

Bảng 1.3: Danh sách các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa và các tổ chức chuyên môn đoàn thể

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị
Ban lãnh đạo khoa			
Trưởng khoa, trưởng BM Máy TB mỏ	Lê Quý Chiến	1973	Tiến sĩ
Phó Trưởng khoa, Trưởng BM CK Ô tô	Nguyễn Bá Thiện	1979	Thạc sĩ
Lãnh đạo các bộ môn			
Trưởng bộ môn Tuyển khoáng	Nguyễn Thị Phương	1976	Thạc sĩ
Trưởng bộ môn KTCS	Bùi Công Viên	1980	Thạc sĩ

Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn			
Bí thư Chi bộ; UV BCH Công đoàn trường, Chủ tịch hội CCB	Lê Quý Chiến	1973	Tiến sĩ
Chủ tịch Công đoàn bộ phận	Trần Thị Duyên	1987	Thạc sĩ
Bí thư liên chi	Nguyễn Văn Hậu	1984	Thạc sĩ

II. SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH

2.1. Nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật ô tô

Qua khảo sát cho thấy bên cạnh các điều kiện thuận lợi, thì sự cần thiết nên mở ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô dựa trên những điều kiện sau:

Trường Đại học công nghiệp Quảng Ninh nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, là tỉnh với thế mạnh là ngành Công nghiệp khai thác than chiếm thị phần lớn của cả nước, cùng với ngành du lịch phát triển, đây là một trong những điều kiện thu hút nhân lực rất lớn, trong đó phải kể đến nhu cầu nhân lực về kỹ thuật cơ khí nói chung và Cơ khí ô tô nói riêng nhằm đáp ứng nhu cầu về khai thác khoáng sản cũng như nhu cầu của ngành vận tải và du lịch. Thành phố Hạ Long là trung tâm kinh tế thương mại của tỉnh, nơi có mặt hầu hết các đại lý ủy quyền về trung bày, tiêu thụ, lắp ráp sửa chữa bảo dưỡng của các hãng sản xuất ô tô tại khu vực Châu Á và trên thế giới. Điều này đã tạo nhiều cơ hội thuận lợi cho công tác đào tạo nhân lực ngành Công nghệ ô tô của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Theo nghị quyết của đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025, các chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội khẳng định: “Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 10.000 USD; Cơ cấu kinh tế năm 2025: Công nghiệp - xây dựng 49 - 50%; Dịch vụ 46 - 47%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 3 - 5%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trên 10%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 11%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 75%. Hằng năm, giữ vững vị trí nhóm đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

Về xã hội: Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đến năm 2025 đạt 87,5%, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 52%.

Từ nội dung nghị quyết của đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, cho thấy, các chỉ tiêu đều nhấn mạnh phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo đến năm 2025 đạt 87,5%, trong đó tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 52%. Nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2030. Nhu cầu lao động năm 2021 là 742,77 ngàn lao động sẽ tăng lên 798,28 ngàn vào năm 2025 và đạt 874,25 ngàn vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng trung bình về nhân lực trong giai đoạn 2021- 2025 là 18% năm.

Bảng 2.1. Nhu cầu nhân lực cho các ngành kinh tế chính 2021-2030

Ngành kinh tế	2021	2022	2023	2024	2025	2030
Nông- Lâm nghiệp và thủy sản (1000 người)	196,85	192,12	187,15	181,9	176,49	145,2
Tỷ trọng ngành nông- Lâm nghiệp và thủy sản, %	26,50	25,40	24,31	23,21	22,11	16,42
Công nghiệp và xây dựng (1000 người)	224,79	227,40	230,12	232,7	235,40	249,9
Tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, %	29,41	29,22	29,02	28,83	28,64	27,68
Dịch vụ (1000 người)	342,74	358,82	375,59	392,5	410,05	507,7
Tỷ trọng ngành dịch vụ, %	44,00	45,38	46,67	47,96	49,25	55,70
Tổng nhu cầu lao động	742,77	756,27	770,02	784,0	798,28	874,2

Mặt khác, Trong đề án chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh giai đoạn 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 chỉ rõ:

Đến năm 2025: Đào tạo trên 30 ngành và chuyên ngành trình độ Đại học, 03 ngành và chuyên ngành trình độ Cao học, trong đó mở mới 03 ngành đào tạo trình độ đại học quy mô đào tạo 3.500 HSSV.

Đến hết năm 2030: có 05 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn quốc gia; mở thêm 05 ngành đại học

Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực của 12 doanh nghiệp tại các khu vực Đông Triều, Hạ Long, Kinh Môn, cho thấy nhu cầu về nhân lực Công nghệ Kỹ thuật ô tô, ở mức rất cần thiết, đạt tỷ lệ 100% trong tổng số đơn vị khảo sát.

Nhu cầu tuyển dụng trong 2 năm gần đây trên 200 nhân lực (chỉ tính trong số doanh nghiệp nhỏ và vừa được khảo sát), trong khi chưa tính đến nhu cầu sử dụng lượng lao động lớn là Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam và các Khu công nghiệp Móng Cái, Vân đồn, các tập đoàn như TC- group, Vinfast, các hãng ô tô đặt trên địa bàn Quảng Ninh như Toyota, Ford, Hyundai, Mitshubitshi, Mazda.

Hiện tại theo thống kê trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, các trường có đào tạo nhân lực về Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ Cao đẳng mới có 2 đơn vị đào tạo Trường Cao đẳng Việt Hàn và Trường Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng, còn đào tạo Nhân lực về Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học hiện chưa có đơn vị nào đào tạo. Từ tất cả những lý do trên cho thấy tính cấp thiết Nhà trường cần phải mở mới ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực thực tế trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận là rất cần thiết.

2.2. Lý do mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật ô tô

2.2.1. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Với sứ mệnh là cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học có chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh với chi phí phù hợp nhất, Trường mang đến cơ hội tốt nhất trong học tập, trải nghiệm và việc làm cho tất cả người học; cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước và tầm nhìn, phấn đấu đến năm 2035 trở thành trường đại học đa ngành, theo định hướng ứng dụng, nằm trong số trường cung cấp nguồn nhân lực lớn của tỉnh Quảng Ninh, khẳng định vị thế dẫn đầu trong đào tạo thực hành, có không gian học tập hiện đại gắn liền với trải nghiệm phong phú tại doanh nghiệp.

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đào tạo theo định hướng ứng dụng gắn liền với kiến thức thực tế tại doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội, đào tạo đa hệ - đa ngành gắn với tôn chỉ hoạt động “Tri thức hiện đại – Xã hội làm giàu”, lấy người học làm trung tâm, quyền lợi của người học luôn được ưu tiên hàng đầu. Nhà trường luôn bắt kịp xu hướng thời đại cập nhật kiến thức mới và nhu cầu của các nhà tuyển dụng để trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sống mà doanh nghiệp và xã hội cần để sẵn sàng hội nhập là công dân toàn cầu trong thời đại kỹ nguyên số 4.0. Số liệu thống kê trong 05 năm gần đây cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 03 tháng tốt nghiệp khoảng 98%, ngày càng khẳng định sự tin tưởng của các em học sinh và Phụ huynh khi chọn Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh làm con đường lập thân, lập nghiệp.

Sau hơn 65 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đạt được những thành tích quan trọng trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhận thức được tầm quan trọng cũng như nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực được đào tạo bài bản và thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương trong những năm qua, Nhà trường đã tích cực chuẩn bị các bước cần thiết để có thể mở thêm các mã ngành đào tạo trong đó có ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Trường đã phát triển đội ngũ giảng viên, mở rộng cơ sở vật chất, liên kết hợp tác đào tạo và trao đổi sinh viên với nước ngoài,... Hiện nay, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh với quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển mở rộng ngành nghề và ưu thế nguồn lực sẽ đầu tư mạnh mẽ để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh sau khi được Bộ GD&ĐT cho phép mở mã ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô sẽ tập trung nhân lực, vật lực để nhanh chóng phát triển Nhà trường xứng tầm khu vực và trong toàn quốc. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoàn toàn có đủ điều kiện đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học để đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội.

2.2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo đảm bảo hội nhập quốc tế

2.2.2.1. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là một trong những cơ sở giáo dục đại học có nền tảng và uy tín trong lĩnh vực giáo dục, Nhà trường đã cung cấp số lượng lớn

nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động ở miền Bắc, đặt biệt là tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ngày càng khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực cung cấp nguồn nhân lực qua đào tạo Kỹ thuật cao.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu của nền kinh tế thế giới, Nhà trường ngày càng phát triển về chất lượng cũng như quy mô đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực. Vì vậy, việc xây dựng chương trình đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô là một bước quan trọng để Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đóng góp cho xã hội lực lượng kỹ sư có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu thời đại công nghệ 4.0 và nền kinh tế mở hiện nay.

2.2.2.2. Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Ngày nay, cùng với sự phát triển của đời sống và sản xuất công nghiệp là sự gia tăng liên tục các phương tiện phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa với số lượng lớn và việc đi lại của con người. Trong số hàng trăm các phương tiện vận chuyển thông dụng như xe tải, máy bay, tàu thủy... ô tô chính là phương tiện có số lượng lớn. Từ việc bảo trì, bảo dưỡng động cơ, các hệ thống tự động ô tô cho đến nghiên cứu công nghệ và thiết kế ra dòng sản phẩm mới theo xu hướng thị trường đều đòi hỏi vai trò quan trọng của các chuyên gia về ô tô.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp ô tô ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều dấu hiệu khởi sắc và chiếm một tỉ trọng nhỏ trong GDP của cả nước chỉ khoảng từ 3-5 %, chủ yếu vẫn chỉ dừng lại ở mức mua linh kiện từ nước ngoài về lắp ráp. Vì thế chi phí sản xuất ô tô tại Việt Nam vẫn cao hơn khoảng 20% so với các nước trong khu vực. Tỉ lệ mua phụ tùng trong nước đạt được ở mức khác nhau tùy theo chủng loại xe và nhà sản xuất (ước chừng 10-30% đối với xe du lịch, hơn 30% đối với xe tải, hơn 40% đối với xe buýt. Các ngành công nghiệp phụ trợ ô tô như: Sản xuất lốp xe, ốc quy vẫn còn phát triển nhỏ lẻ chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra của thị trường.

Theo như các nhà dự báo kinh tế, giai đoạn phổ cập ô tô tại nước ta sẽ diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2030. Nếu như vậy thì đến năm 2020, nếu không sản xuất ô tô trong nước, Việt Nam phải tiến hành nhập khẩu ô tô từ nước ngoài để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Vì vậy việc phát triển ngành công nghiệp ô tô hiện đang được xem như mục tiêu phát triển dài hạn của chính phủ Việt Nam trên con đường công nghiệp, hóa hiện đại đất nước giảm thâm hụt cán cân thương mại trong tương lai.

Thủ tướng chính phủ đã ký quyết định số 1168/QĐTTg ngày 16/07/2014 phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 trong đó đã nêu Công nghiệp ô tô là ngành tạo động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa, cần được khuyến khích phát triển bằng những chính sách ổn định, nhất quán và dài hạn. Tiếp theo Quyết định 1168/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 7 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục ký Quyết định số 1211/QĐ-

TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 xác định công nghiệp ô tô là ngành công nghiệp mũi nhọn được chính phủ ưu tiên phát triển trong chiến lược công nghiệp hóa hiện nay. Mục tiêu tổng quát của Quy hoạch là phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam trở thành ngành công nghiệp quan trọng của đất nước, đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa về các loại xe tải, xe khách thông dụng và một số loại xe chuyên dùng; phấn đấu trở thành nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng và một số cụm chi tiết có giá trị cao trong chuỗi sản xuất công nghiệp ô tô thế giới, góp phần vào tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp khác. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam chú trọng phát triển dòng xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nông thôn; chú trọng phát triển các loại xe khách tầm trung và tầm ngắn chạy liên tỉnh, huyện, nội đô... phù hợp với điều kiện địa hình, hạ tầng giao thông trong nước với giá thành hợp lý. Đối với dòng xe cá nhân tập trung phát triển dòng xe kích thước nhỏ, tiêu thụ ít năng lượng, phù hợp với mức thu nhập dân cư và khả năng đáp ứng của hạ tầng giao thông; xác định rõ đối tác chiến lược, khuyến khích đầu tư các dự án đủ lớn để tạo dựng thị trường cho công nghiệp hỗ trợ. Khuyến khích sản xuất dòng xe thân thiện môi trường (xe tiết kiệm nhiên liệu, xe hybrid, xe sử dụng nhiên liệu sinh học, xe chạy điện...).

Đối với công nghiệp hỗ trợ, tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước với các hãng ô tô lớn trong sản xuất, chế tạo phụ tùng, linh kiện cho lắp ráp xe thành phẩm, tiến tới sản xuất phục vụ xuất khẩu. Hình thành một số trung tâm/cụm liên kết công nghiệp ô tô tập trung trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại sản xuất. Đẩy mạnh hợp tác – liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, các cơ sở nghiên cứu phát triển và các cơ sở đào tạo thuộc mọi thành phần kinh tế để nâng cao hiệu quả đầu tư và tăng cường khả năng chuyên môn hoá.

Bên cạnh đó, sẽ phát triển mở rộng các khu công nghiệp cơ khí và ô tô tại 3 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với quy mô 200 – 1.000 ha.

Trong những năm vừa qua Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải đã có những dự án xây dựng các nhà máy chế tạo ô tô hiện đại ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, TP HCM.

Chính vì thế, nhu cầu lao động của ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô vẫn luôn có sức nóng trong nhiều năm tới.

Đội ngũ các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia sản xuất và lắp ráp ô tô ngày càng lớn mạnh. Theo Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam, đã có 18 doanh nghiệp FDI và 38 doanh nghiệp trong nước với năng lực khoảng 460.000 xe/năm. Ngoài ra, hiện nay có rất nhiều các công ty cơ khí ô tô, gara bảo dưỡng xe hơi, trung tâm đào tạo sửa chữa xe, lắp ráp chi tiết máy ra đời. Vì vậy, ngành công nghiệp ô tô sẽ cần một đội ngũ nhân lực rất lớn.

Ngành công nghiệp ô tô tại Việt Nam hiện vẫn đang còn khá non trẻ chiếm thị phần còn khá khiêm tốn trong cơ cấu nền kinh tế trong nước. Tại Việt Nam có khoảng

19 doanh nghiệp sản xuất ô tô chiếm thị phần chủ yếu, trong đó có 13 doanh nghiệp liên doanh và 6 doanh nghiệp trong nước. Theo đó, mỗi năm ngành công nghiệp này đưa ra thị trường khoảng 200.000 chiếc xe mỗi năm với sự xuất hiện của một số thương hiệu nổi tiếng thế giới như: Toyota, Ford, Honda, Mercedes...

2.2.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô.

Dự báo nhu cầu nhân lực của ngành công nghiệp sản xuất ô tô tại nước ta trong 5 năm tới: Liên tục trong nhiều năm qua, trung tâm dự báo nguồn nhân lực và thị trường lao động của Tỉnh Quảng Ninh đều đưa công nghệ ô tô vào danh mục các ngành nóng về nhu cầu lao động. So với các ngành công nghiệp trọng điểm khác, tỉ trọng nhân lực ngành công nghiệp sản xuất ô tô vẫn đang dừng lại ở một con số khá khiêm tốn. Nguồn nhân lực trong lĩnh vực ô tô nói chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của nhà tuyển dụng.

Thị trường vẫn đang thiếu những lao động lành nghề có tính chuyên môn cao để hướng tới sự phát triển lâu dài của ngành công nghiệp sản xuất ô tô trong nước. Với định hướng phát triển công nghiệp ô tô và phụ tùng ô tô Việt Nam của chính phủ về triển vọng biến ngành công nghiệp sản xuất ô tô trở thành ngành công nghiệp quan trọng của nền kinh tế, đáp ứng được phần lớn nhu cầu trong nước, và tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất ô tô thế giới, Chính phủ đã bắt đầu đưa ra những chính sách và biện pháp nhằm khuyến khích, đầu tư phát triển trong lĩnh vực này.

Tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Vingroup đã khởi công dự án Vinfast, nhà máy sản xuất ô tô ở thành phố cảng Hải Phòng, Việt Nam. Theo công bố ban đầu, Vinfast đặt mục tiêu sản xuất 500.000 xe mỗi năm vào năm 2025, bao gồm các loại xe chạy năng lượng điện. Hiện tại, 5 nhà máy đang được xây dựng trên diện tích 335 ha.

Vi thể, để đáp ứng sự phát triển của ngành công nghiệp ô tô thì việc đào tạo cán bộ, kỹ sư cho ngành cơ khí ô tô rất cần thiết và cấp bách.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, có 2 trường đại học, nhưng chỉ có Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh đào tạo kỹ sư về khối kỹ Thuật bao gồm Điện- Điện tử, Tự động hoá, và Công nghệ kỹ thuật Cơ khí. Chưa có trường đại học nào đào tạo về Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật về ô tô. Còn lại chủ yếu các Trường đào tạo bậc cao đẳng nghề và Trung cấp nghề về Ô tô. Do vậy mới chỉ đáp ứng phần nào nhu cầu của người học và Nhu cầu của xã hội.

Theo kết quả khảo sát, nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh, tăng mạnh trong giai đoạn 2021-2030. Nhu cầu lao động năm 2021 là 742,77 ngàn lao động sẽ tăng lên 798,28 ngàn vào năm 2025 và đạt 874,25 ngàn vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng trung bình về nhân lực trong giai đoạn 2021- 2025 là 18% năm.

Theo thống kê, hiện nay ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô nói riêng và nhóm ngành Kỹ thuật công nghệ nói chung đang được xếp vào nhóm các ngành thiếu nhân lực trong cả nước (tỉ lệ 35%).

Nắm bắt được vấn đề trên, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đã tích cực công tác chuẩn bị, tập trung mọi nguồn lực để hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực phục vụ cho việc đăng ký mở ngành và tổ chức đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô, phù hợp với nhu cầu của xã hội và năng lực đào tạo của Nhà Trường.

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo:	Công nghệ kỹ thuật ô tô Automotive Engineering Technology
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Công nghệ kỹ thuật ô tô
Mã ngành:	7510205
Bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
Khối lượng kiến thức toàn khoá:	154 tín chỉ <i>(không bao gồm các học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý)</i>
Thời lượng đào tạo:	4,5 năm

3.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô, được xây dựng và nâng cấp trên cơ sở chuyên ngành đào tạo Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí ô tô thuộc chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

Chương trình được rà soát đánh giá cập nhật điều chỉnh bổ sung năm 2022

3.1.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

3.1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có sức khỏe; thích nghi với môi trường làm việc, có trách nhiệm với nghề nghiệp, có kiến thức về KHCB, LLCT, GDQPAN, Ngoại ngữ, tin học, có kiến thức về cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật, có khả năng làm việc nhóm, khả năng làm việc độc lập, ứng dụng chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô. Trang bị cho người học có đầy đủ kiến thức và khả năng nhận thức, tính toán, thực thi và vận hành các sản phẩm, hệ thống hay các chu trình kỹ thuật, từ đó xây dựng cho mình kỹ năng lãnh đạo và có thể hướng tới khởi nghiệp trong lĩnh vực Kỹ thuật ô tô.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh để vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn;

PO2. Có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức chuyên môn và học tập nâng cao trình độ;

PO3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

PO4. Ứng dụng kiến thức cơ sở ngành trong giải quyết các vấn đề về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật ô tô, tiếp tục học tập và phát triển kiến thức chuyên ngành;

PO5. Có kiến thức chuyên môn sâu, ứng dụng kiến thức trong giải quyết các vấn đề về lĩnh vực Công nghệ Kỹ thuật ô tô, đồng thời có thể thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực rộng.

PO6. Có năng lực về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng lập luận, tính toán đáp ứng nhu cầu của công việc thực tế.

PO7. Có kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, tư duy sáng tạo, năng lực dẫn dắt, giải quyết vấn đề.

PO8. Sử dụng được ngôn ngữ Tiếng Anh chuyên ngành trong trình bày ý tưởng, phân tích và phản biện các vấn đề của lĩnh vực kỹ thuật ô tô. Có năng lực lập dự án, quy trình công nghệ sửa chữa, lên kế hoạch chi tiết giải quyết các vấn đề chuyên môn kỹ thuật ô tô.

PO9. Có năng lực tư duy, phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án thay thế sửa chữa thích hợp về các vấn đề kỹ thuật trên ô tô, kỹ năng quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô.

PO10. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

PO11. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án thay thế sửa chữa thích hợp về các vấn đề kỹ thuật trên ô tô, kỹ năng quản lý, kinh doanh dịch vụ ô tô.

PO12. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PO13. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong các trung tâm đào tạo, huấn luyện tại các công ty, doanh nghiệp kinh doanh ô tô- máy động lực và trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề.

PO14. Ý thức tự học tập, khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3.1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.1.3.1. Kiến thức

+ Kiến thức giáo dục đại cương

KT1. Hiểu được Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, kinh tế học đại cương, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, vận dụng được các kiến thức LLCT, văn hoá kinh doanh, khởi nghiệp, kỹ năng mềm giáo dục quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.

KT2. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

KT3. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. Đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

+ **Kiến thức cơ sở ngành**

KT4. Vận dụng kiến thức về cơ sở ngành hiểu được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phương pháp chung thiết kế các hệ thống cơ khí, hệ cơ điện tử trên ô tô.

+ **Kiến thức chuyên ngành**

KT5. Vận dụng các kiến thức về điện- điện tử trên ô tô, kiến thức vi xử lý, đọc các sơ đồ mạch điện, phân tích, chẩn đoán lỗi, đưa ra các phương án kiểm tra thay thế sửa chữa thích hợp các hệ thống điện và điều khiển điện tử trên ô tô, các hệ thống cơ điện tử trên ô tô.

KT6. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật ô tô vào công việc vận hành, sửa chữa, khai thác lắp ráp, bảo dưỡng ô tô có hiệu quả. Có kiến thức về lập quy trình công nghệ, dự toán cho sửa chữa ô tô cấp trung tu và đại tu; Đánh giá tác động của các chất độc hại từ nguồn khí xả từ động cơ ô tô đến môi trường sống và sức khỏe con người;

3.1.3.2. Kỹ năng

KN1. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

KN2. Thực hiện các hoạt động, các thao tác tính toán chính xác, linh hoạt trong lĩnh vực được học.

KN3. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

KN4. Có năng lực chuyên môn tay nghề cao thực hiện công việc trung tu, đại tu các loại động cơ, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống khung gầm, hệ thống điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống điều hòa không khí và hộp số tự động. Chẩn đoán chính xác và sửa chữa được các lỗi hư hỏng đối với động cơ, hệ thống điện, hệ thống điều khiển trên ô tô.

KN5. Kỹ năng xây dựng các phương án và giải pháp cho lĩnh vực kỹ thuật ô tô. Kết hợp các kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành cơ khí ô tô trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Tổ chức và điều hành doanh nghiệp cơ khí Ô tô; Mở rộng và phát triển thêm kiến thức về doanh nghiệp, thị trường để tìm việc làm và tự tạo việc làm.

KN6. Sử dụng năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ chẩn đoán, bảo dưỡng sửa chữa ô tô, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Diễn giải được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật

3.1.3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

TC1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

TC2. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

TC3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực Kỹ thuật ô tô.

TC4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô.

TC5. Thể hiện ý thức trách nhiệm cá nhân, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. Ý thức học tập, khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Bảng 3.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra CTĐT																
	KIẾN THỨC						KỸ NĂNG						MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
	KT1	K T2	KT 3	KT4	K T 5	KT 6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
PO1	X																
PO2		X					X										
PO3			X														
PO4				X													
PO5					X	X		X	X								
PO6						X				X							
PO7												X					
PO8											X		X				
PO9									X	X							
PO10													X				
PO11														X			
PO12															X		
PO13																X	
PO14																	X

3.1.3.4. Vị trí làm việc của người học sau tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

- Kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Giám sát xưởng; Kỹ sư tư vấn về kỹ thuật và dịch vụ, dịch vụ khách hàng tại các đại lý, garage ô tô, các công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến ô tô;

- Kỹ sư vận hành, Kỹ sư đảm bảo/kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các nhà máy sản xuất phụ tùng, dây chuyền sản xuất và lắp ráp ô tô;

- Chuyên viên tư vấn bán hàng trong các công ty về phụ tùng, công ty và đại lý kinh doanh ô tô;

- Kỹ sư thiết kế trong các lĩnh vực tự động hoá nông nghiệp, xe chuyên dùng và ứng dụng năng lượng thay thế và tái tạo trên các máy móc liên quan đến ô tô và máy động lực;

- Đăng kiểm viên trong các trạm đăng kiểm các phương tiện xe cơ giới;

- Giảng viên tại các trường đào tạo nghề nghiệp về kỹ thuật liên quan đến ô tô;

- Bên cạnh đó, các kỹ sư công nghệ ô tô cũng có các cơ hội để phát triển sự nghiệp cho các vị trí quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất và vận hành trong các nhà máy sản xuất và lắp ráp xe hơi, các công ty cung cấp phụ tùng cho nền công nghiệp ô tô, và các cơ hội để khởi nghiệp trong các ngành nghề liên quan đến bảo dưỡng, sửa chữa và kinh doanh ô tô. Người tốt nghiệp cũng có thể làm ở các vị trí, lĩnh vực gần hoặc lĩnh vực có liên quan khác

- Tham gia hội nhập vào thị trường lao động trong khu vực và quốc tế.

3.1.4. Tuyển sinh, chuẩn đầu vào và điều kiện tốt nghiệp

- Chuẩn đầu vào: Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3.1.5. Phương thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định trong quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

3.1.6. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên Học phần	Số TC	Số tiết			Học kỳ	Mã HP tiên quyết	Mã HP kế tiếp
				LT	TH/ BT/ TL	Tự học			
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1 Nhóm học phần bắt buộc									
		Lý luận chính trị	11	165	0	385			
1	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	105	I		
2	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	70	II		
3	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70	III		
4	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	70	V		
5	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70	IV		
		Ngoại ngữ	10	135	30	335			
6	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	53	15	132	I		
7	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	53	15	132	II		
8	ĐHCQ0326	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	2	30	0	70	VII		
		Khoa học xã hội – Nhân văn	8	120	0	280			
9	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	0	70	III		
10	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	30	0	70	IV		
11	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	30	0	70	V		
12	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	30	0	70	V		
		Toán-Khoa học tự nhiên-Tin	17	225	60	565			
13	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3	45	0	105	I		
14	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	45	0	105	II		
15	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	45	30	125	II		
16	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	30	0	70	II		
17	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	30	30	90	I		
18	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30	0	70	VI		
		Kỹ năng mềm	3	30	30	90			
19	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	30	30	90	II		
Cộng nhóm: Nhóm học phần bắt buộc			49	675	120	1655			
1.2. Nhóm học phần tự chọn - phải đạt 02 TC									
20	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	2	30	0	70	III		

21	02KHXXH105	Văn hóa kinh doanh	2	30	0	70	III		
Cộng nhóm: Nhóm học phần tự chọn			2	30	0	70			
1.3. Nhóm học phần điều kiện									
			Giáo dục thể chất	4	0	120	80		
22	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	20	II		
23	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2	0	60	40	III		
24	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	20	V		
			Giáo dục QPAN	8.5	93	72	260		
25	QPAN2020-1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	3	45	0	105	I		
26	QPAN2020-2	Công tác quốc phòng an ninh	2	30	0	70	I		
27	QPAN2020-3	Quân sự chung	1,5	14	16	45	I		
28	QPAN2020-4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	4	56	40	I		
Cộng nhóm: Nhóm học phần điều kiện			12.5	93	192	340			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
29	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3	45	0	105	III		
30	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	30	0	70	III		
31	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật	3	30	30	90	III		
32	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2	30	0	70	III		
33	02DHCokhi462	Thủy lực đại cương	2	30	0	70	IV		
34	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	30	0	70	IV		
35	ĐHCQ0328	Chi tiết máy	2	30	0	70	IV		
Cộng nhóm: Kiến thức cơ sở ngành			16	225	30	545			
2.2. Khối kiến thức ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
36	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	30	0	70	IV		
37	02DHKTHUAT105	Dung sai - Kỹ thuật đo	2	30	0	70	III		
38	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	30	0	70	IV		
39	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí	3	0	90	60	V		
40	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	0	30	20	V		
41	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	30	30	90	IV		
Cộng nhóm: Khối kiến thức ngành			13	120	150	380			
2.3. Khối kiến thức chuyên ngành									
Nhóm học phần bắt buộc									
42	02DHOTO301	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	2	30	0	70	VI		

43	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	45	0	105	V		
44	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2	30	0	70	VII		
45	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	45	0	105	VI		
46	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3	45	0	105	VII		
47	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô	4	60	0	140	V		
48	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2	30	0	70	VI		
49	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	30	30	90	VI		
50	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)	3	30	30	90	VI		
51	02DHOTO309	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	30	0	70	VII		
52	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động	3	0	90	60	VIII		
53	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0	60	40	VIII		
54	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	0	90	60	VI		
55	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2	3	0	90	60	VIII		
56	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô	4	0	120	80	VII		
57	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ	3	0	90	60	VII		
58	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	0	90	60	VIII		
Cộng nhóm: Nhóm học phần bắt buộc			48	375	690	1335			
Nhóm học phần tự chọn - phải đạt: 6 TC									
59	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	3	0	90	60	VIII		
60	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	0	90	60	VIII		
61	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe	3	0	90	60	VIII		
Cộng nhóm: Nhóm học phần tự chọn			6	0	180	120			
2.4. Nhóm học phần tốt nghiệp - phải đạt 20 TC									
62	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá	12	0	600	0	IX		
63	ĐHCQ0335	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	160	IX		
		Hoặc các môn thi thay thế Khóa luận tốt nghiệp	8	0	240	160			
64	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô	4	0	120	80	IX		
65	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô	4	0	120	80	IX		
Cộng nhóm: Học phần tốt nghiệp			20	0	840	160			
Tổng số tín chỉ bắt buộc: 146; Tổng số tín chỉ các nhóm tự chọn: 8									
Tổng			154	1426	2010	4264			

3.2. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ I						
STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Lý thuyết	TH/BT/TL/ĐA	Tự học
1	02CHINHTRI302	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	105
2	02TANH101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	53	15	132
3	02TOAN101	Toán cao cấp 1	3	45	0	105
4	02TINHOC101	Nhập môn tin học	3	30	30	90
5	QPAN2020	Giáo dục quốc phòng an ninh	8.5	93	72	260
		Cộng khối lượng học kỳ I	21.5			
Học kỳ II						
1	02CHINHTRI303	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	70
2	02TANH102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	53	15	132
3	02TOAN202	Toán cao cấp 2	3	45	0	105
4	02HOAHOC101	Hóa học đại cương	2	30	0	70
5	02VATLY101	Vật lý đại cương	4	45	30	125
6	ĐHCQ0123	Kỹ năng mềm	3	30	30	90
7	ĐHCQ0072	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	20
		Cộng khối lượng học kỳ II	19			
Học kỳ III						
1	02KHXH103	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	0	70
2	02CHINHTRI201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	70
3	ĐHCQ0327	Vẽ kỹ thuật	3	30	30	90
4	02DHKTHUAT105	Dung sai- Kỹ thuật đo	2	30	0	70
5	02DHOTO101	Kỹ thuật nhiệt	2	30	0	70
6	02DHCKT109	Cơ học lý thuyết	3	45	0	105
7	02KTHUAT102	Sức bền vật liệu	2	30	0	70
8	ĐHCQ0073	Giáo dục thể chất 2	2	0	60	40
9		Phần tự chọn A (chọn 1 trong 2 học phần sau)	2			
	ĐHCQ0117	Khởi nghiệp	(2)	30	0	70
	02KHXH105	Văn hóa kinh doanh	(2)	30	0	70
		Cộng khối lượng học kỳ III	20			
Học kỳ IV						

1	02CHINHTRI305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	70
2	02LUAT101	Pháp luật đại cương	2	30	0	70
3	02DHCokhi462	Thủy lực đại cương	2	30	0	70
4	02DHmaymo311	Vật liệu cơ khí	2	30	0	70
5	ĐHCQ0328	Chi tiết máy	2	30	0	70
6	ĐHCQ0044	Đồ án chi tiết máy	1	0	30	20
7	02dientu201	Kỹ thuật điện - điện tử	2	30	0	70
8	02DHKTHUAT107	Công nghệ kim loại	2	30	0	70
9	02cokhi431	Truyền động thủy lực và khí nén	3	30	30	90
		Cộng khối lượng học kỳ IV	18			
Học kỳ V						
1	02CHINHTRI304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	70
2	02KINHTE100	Kinh tế học đại cương	2	30	0	70
3	ĐHCQ0222	Thực tập cơ khí (3TC)	3	0	90	60
4	02quantri311	Quản trị kinh doanh	2	30	0	70
5	02DHOTO355	Động cơ đốt trong F1	3	45	0	105
6	ĐHCQ0329	Kết cấu ô tô	4	60	0	140
7	ĐHCQ0074	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	90
		Cộng khối lượng học kỳ V	17			
Học kỳ VI						
1	02DHOTO301	Nhiên liệu dầu mỡ chất tẩy rửa	2	30	0	70
2	02DHOTO361	Lý thuyết ô tô	2	30	0	70
3	02DHOTO364	Thực tập động cơ F1	3	0	90	60
4	02DHOTO357	Hệ thống điện động cơ	3	45	0	105
5	ĐHCQ0330	Tin học ứng dụng ngành (CNKT ÔTÔ)	3	30	30	90
6	02DHOTO362	Kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	30	30	90
7	ĐHCQ0125	Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí	2	30	0	70
		Cộng khối lượng học kỳ VI	18			
Học kỳ VII						
1	ĐHCQ0226	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	30	0	70
2	ĐHCQ0077	Hệ thống điện thân xe	3	45	0	105
3	02DHOTO356	Động cơ đốt trong F2	2	30	0	70

4	ĐHCQ0326	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	2	30	0	70
5	ĐHCQ0331	Thực tập gầm ô tô	4	0	120	80
6	ĐHCQ0332	Thực tập hệ thống điện động cơ	3	0	90	60
		Cộng học kỳ VII	16			
Học kỳ VIII						
1	ĐHCQ0227	Thực tập hộp số tự động	3	0	90	60
2	ĐHCQ0226	Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	0	60	40
3	02DHOTO365	Thực tập động cơ F2	3	0	90	60
4	ĐHCQ0333	Thực tập hệ thống điện thân xe	3	0	90	60
5		Phần tự chọn B (Chọn 2 trong 3 học phần sau)	6			
	ĐHCQ0228	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	3	0	90	60
	ĐHCQ0230	Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	3	0	90	60
	02DHOTO323	Thực tập kỹ thuật lái xe	3	0	90	60
		Cộng khối lượng học kỳ VIII	17			
Học kỳ IX						
1	ĐHCQ0334	Thực tập cuối khoá	12	0	600	0
2	ĐHCQ0335	Khoá luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học phần chuyên sâu thay thế	8	0	240	140
		Khoá luận tốt nghiệp (CNCK Ô tô)	8	0	240	140
	ĐHCQ0336	Thực tập hiệu chỉnh ô tô	4	0	120	80
	ĐHCQ0337	Thực tập chẩn đoán ô tô	4	0	120	80
		Cộng khối lượng học kỳ IX	20			
		Tổng số tín chỉ toàn khóa (chưa kể GDQP và GDTC)	154			

3.3. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

Nhà trường bắt đầu tuyển sinh từ khoá 18 năm 2025

- Chuẩn đầu vào: Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoặc của các trường đại học khác có thể học chương trình thứ hai

theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

- Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Chương trình đào tạo sẽ được chuẩn hóa theo Thông tư số 17/2021/TT-BGGĐT. Định kỳ 2 năm, chương trình đào tạo sẽ được xem xét, điều chỉnh các thay đổi về học phần tự chọn (nếu có) trong CTĐT; những học phần mới phải có đề cương chi tiết học phần kèm theo và được công bố công khai. Định kỳ 05 năm, CTĐT đào tạo sẽ được rà soát tổng thể và điều chỉnh dựa trên việc lấy ý kiến các bên liên quan, nhu cầu xã hội. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập:

- Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phần thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường;

- Thời điểm lấy ý kiến: Sau khi đánh giá kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học;

- Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trường khoa, trường bộ môn và giảng viên

- Việc kiểm định chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018); thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018). Sau khi có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh sẽ tiến hành kiểm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô theo quy định. Khoa Cơ khí- Động lực thực hiện theo kế hoạch bảo đảm chất lượng bên trong của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh từ ngày xây dựng Đề án mở ngành và liên tục trong quá trình đào tạo theo Chuẩn Chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường đã đáp ứng được các yêu cầu về số lượng, chất lượng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó hằng năm, trường đều có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên nhằm không ngừng đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công tác phát triển của trường. Phương hướng chung là tập trung xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, giảng viên, nhân viên đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ và có phẩm chất chính trị, đạo đức tác phong nghề nghiệp tốt. Hiện nay Nhà trường đã có được đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng được yêu cầu đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của Trường, đủ về số lượng, đảm bảo về chất

lượng, có cơ cấu giới tính, độ tuổi, thâm niên, ngành nghề tương đối hợp lý hài hoà, là yếu tố nguồn lực quan trọng để thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học.

Để đảm bảo cho công tác giảng dạy và đào tạo trình độ đại học chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô, Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng đáp ứng đủ về số lượng và chất lượng:

- Tổng số giảng viên cơ hữu của trường tham gia chương trình đào tạo là 51 người

Trong đó: - TS 9 người

- Ths 41 người

- Số giảng viên có chuyên ngành đúng và ngành gần với chương trình đào tạo đứng tên chủ trì và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo với cơ sở đào tạo là 16 người

4.1.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng CTĐT

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Bảng 4.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố:		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Lê Quý Chiến 08/5/1973	022073008083 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Cơ khí - Động lực	01/07/2002		2098012168	22 năm 06 tháng	31	42	
2	Bùi Thanh Nhu 06/11/1970	031070018881 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam 2014	Cơ khí - Động lực	01/09/1994		2099005214	30 năm 04 tháng	12	30	
3	Trần Văn Liêm	024086004031 Việt Nam		Tiến sĩ Trung Quốc 2020	Công nghệ thông tin	01/12/2010		2210022308	14 năm 01 tháng	02	01	
4	Vũ Thị Thuý Dương	022188000557		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Toán Giải tích	01/12/2010		2210022307	14 năm 01 tháng	03	01	
5	Nguyễn Thị Nhung	030182000819		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Lịch sử	03/12/2007		2221631191	17 năm 01 tháng	13	05	
6	Nguyễn Bá Thiệu 04/3/1979	034079025019 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Khai thác, bảo trì ô tô, máy kéo	01/08/2002		2002006446	22 năm 05 tháng	02	09	

7	Đào Đức Hùng 23/12/1980	022080008481 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	01/06/2003		2003010250	21 năm 07 tháng	01	11	
8	Trần Đình Hương 12/05/1979	034079002016 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	01/03/2005		2006003605	19 năm 10 tháng	0	10	
9	Đặng Đình Huy 01/09/1982	027082015022 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	01/01/2007		2007024315	18 năm	01	04	
10	Phạm Thị Như Trang 19/09/1984	022184005808 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Công nghệ chế tạo máy	01/10/2007		2007024153	17 năm 03 tháng	0	02	
11	Nguyễn Sĩ Sơn 01/01/1979	022079013171 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Cơ khí động lực	01/08/2009		2209021775	15 năm 05 tháng	0	02	
12	Vi Thị Nhung 17/10/1986	022186014232 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kỹ thuật Cơ khí	01/11/2011		2211023624	13 năm 02 tháng	03	10	
13	Nguyễn Mạnh Hùng 15/12/1989	022089006418 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật Cơ khí	01/12/2012		2212016329	12 năm 01 tháng	03	05	
14	Nguyễn Văn Hậu 06/04/1984	030084003270 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Cơ khí động lực	01/12/2012		8607006865	12 năm 01 tháng	0	06	
15	Phạm Quang Tiến 24/12/1988	020088006972 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Kỹ thuật Cơ khí	01/05/2015		0112089542	09 năm 08 tháng	01	03	
16	Lê Thanh Cương 09/04/1969	022069006110 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Cơ khí - Động lực	01/07/2006		2096037920	18 năm 06 tháng	0	02	

17	Nguyễn Thành Trung 22/08/1978	022078001117 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kỹ thuật động cơ nhiệt	01/10/2005		2006003619	19 năm 03 tháng	0	02	
18	Giang Quốc Khánh 18/04/1985	030085001351 Việt Nam		Tiến sĩ LB Nga 2021	Cơ khí chế tạo	01/10/2006		2007024305	18 năm 03 tháng	05	08	
19	Phạm Đức Cường 28/07/1985	031085005321 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kỹ thuật máy và thiết bị mỏ, dầu khí	01/11/2006		2007024308	18 năm 02 tháng	0	02	
20	Hoàng Thanh Vân 13/02/1985	008185000363 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Vật lý	01/11/2007		2007024154	17 năm 02 tháng	0	5	
21	Lê Văn Tùng 15/01/1987	030087014587 Việt Nam		Tiến sĩ LB Nga 2021	Tổ hợp & hệ thống kỹ thuật điện	01/09/2010		2210022108	14 năm 04 tháng	0	10	
22	Vũ Thị Duyên 22/09/1989	030189022334 Việt Nam		Tiến sĩ LB Nga 2021	Kinh tế	01/12/2012		2212016331	12 năm 01 năm	2	12	
23	Lê Hồ Hiếu 02/04/1981	025081000571 Việt Nam		Tiến sĩ Việt Nam 2019	Lịch sử	01/02/2004		2004012422	20 năm 11 tháng	2	15	
24	Đặng Đình Đức 10/06/1974	030074019022 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2013	Hệ thống thông tin	01/04/2004		2099000689	20 năm 09 tháng	0	7	
25	Đoàn Thị Như Quỳnh 20/11/1983	022183000206 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2012	Điện khí hóa mỏ	01/08/2008		2006003606	16 năm 05 tháng	0	6	
26	Đặng Thị Thu Giang 23/09/1983	030183013437 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2010	Kinh tế công nghiệp	01/11/2009		2007024298	15 năm 02 tháng	0	5	

27	Bùi Công Viên 12/8/1980	022080001328 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2009	LL&PPDH bộ môn KTCN	01/09/2024		2006003587	20 năm 04 tháng	0	9	
28	Đoàn Việt Dũng 08/12/1973	022073000746 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2012	Luật học	01/11/2002		2003003234	22 năm 02 tháng	0	3	
29	Lê Thị Hằng 02/10/1989	030189006235 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2022	Luật	01/12/2012		3012035357	12 năm 01 tháng	0	7	
30	Vũ Ngọc Hà 10/05/1984	022184000244 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2012	Triết học	01/08/2009		2209021774	15 năm 05 tháng	0	5	
31	Nguyễn Thị Thu Hằng 26/3/1986	022186001415 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2016	Kinh tế chính trị	01/12/2010		2210022306	14 năm 01 tháng	0	5	
32	Trần Thị Hoàn 17/4/1988	034188007541 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2015	Chính trị học	01/12/2012		2212016342	12 năm 01 tháng	0	6	
33	Nguyễn Thị Hải Ninh 26/04/1985	022185004911 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2013	Kinh tế chính trị	01/09/2007		2007017973	17 năm 04 tháng	0	8	
34	Nguyễn Thị Thu Hương 18/12/1980	040181021267 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2011	Toán (Giải tích)	01/12/2004		2005001709	20 năm 01 tháng	0	7	
35	Bùi Thị Hồng Vân 25/06/1981	022181003833 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2008	Toán (Đại số)	01/01/2004		2004005149	21 năm	0	7	
36	Nguyễn Thị Như Hoa 05/02/1985	022185001340 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2010	Hóa học	01/05/2010		2210010662	14 năm 08 tháng	0	6	

37	Nguyễn Thị Thanh Hoa 02/01/1978	019178002317 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2008	Giáo dục học (Lý luận & Phương pháp dạy học Vật Lý)	01/01/2002		2002002416	23 năm	0	9	
38	Mai Thị Huyền 07/10/1984	022184011938 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2011	Tiếng Anh	01/09/2006		2007024295	18 năm 04 tháng	0	3	
39	Lê Thị Thanh Hoa 21/08/1978	030178016568 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2016	Khoa học giáo dục (Lý luận & Phương pháp dạy học Vật Lý)	01/01/2002		2002002415	23 năm	0	7	
40	Đông Thị An Sinh 18/10/1973	022173010027 Việt Nam		Thạc sĩ Philippin 2016	Tiếng Anh	01/05/1994		2096067911	30 năm 08 tháng	0	5	
41	Vũ Thị Thái 01/04/1983	022183002914 Việt Nam		Thạc sĩ Thụy Điển 2011	Tiếng Anh	01/08/2006		2007024291	18 năm 05 tháng	0	7	
42	Phạm Thị Thủy 18/05/1981	034181017963 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2008	Hóa học (Hóa phân tích)	01/01/2004		2004005146	21 năm	0	6	
43	Phạm Thị Thu Hà 15/10/1977	022177005427 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2012	Giáo dục học (Giáo dục thể chất)	01/09/1999		0400000744	25 năm 04 tháng	0	5	
44	Bùi Thị Huyền 24/12/1982	022182012054 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2010	Tiếng Anh	01/09/2005		2006003612	19 năm 04 tháng	0	5	
45	Nguyễn Thanh Huyền 11/07/1979	022179005808 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2008	Toán (Đại số)	01/01/2002		2002002421	23 năm	0	7	

46	Trần Hoài Nam 09/04/1985	022085004194 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2014	Khoa học giáo dục (giáo dục thể chất)	01/11/2007		2007024155	17 năm 02 tháng	0	5	
47	Vũ Thị Thanh Huyền 01/03/1978	022178002589 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam 2017	Tiếng Anh	01/09/2001		2001006971	23 năm 04 tháng	0	5	
48	Trương Công Tuấn 29/03/1982	022082012444 Việt Nam		Cử nhân Việt Nam 2021	Giáo dục quốc phòng & An ninh	01/09/2004		2006003584	20 năm 04 tháng	0	5	
49	Dương Khắc Mạnh 23/04/1980	022080002413 Việt Nam		Cử nhân Việt Nam 2017	Giáo dục quốc phòng & An ninh	01/01/2004		2004005145	21 năm	0	3	
50	Nguyễn Xuân Huy 30/06/1977	022077002787 Việt Nam		Cử nhân Việt Nam 1998	Thể dục thể thao	01/09/1998		2099003248	26 năm 04 tháng	0	3	
51	Đoàn Quang Hậu 05/01/1969	022069000360 Việt Nam		Cao đẳng Việt Nam 1989	Quân lương Quân trang (GDQP)	01/01/2006		2099101515	19 năm	0	3	

4.1.2. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu tổ chức thực hiện CTĐT, giảng dạy các học phần

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Bảng 4.2. Danh sách các giảng viên giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo

Mẫu 02: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của Trường

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lê Quý Chiến	Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
		Động cơ đốt trong F1	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
		Động cơ đốt trong F2	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
		Thực tập cuối khoá	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
		Truyền động thủy lực và khí nén	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
2	Bùi Thanh Nhu	Thực tập hệ thống điện động cơ	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập hệ thống điện thân xe	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Động cơ đốt trong F1	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
		Động cơ đốt trong F2	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
3	Trần Văn Liêm	Nhập môn tin học	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo
4	Vũ Thị Thùy Dương	Toán cao cấp 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo
5	Nguyễn Thị Nhung	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 1, năm thứ 2	x	x			
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 1, năm thứ 3	x	x			
6	Nguyễn Bá Thiện	Hệ thống điện động cơ	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Hệ thống điện thân xe	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập động cơ F1	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Thực tập động cơ F2	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Thực tập hệ thống điện động cơ	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Thực tập hệ thống điện thân xe	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
7	Đào Đức Hùng	Thủy lực đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Cơ học lý thuyết	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
8	Trần Đình Hương	Sức bền vật liệu	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Chi tiết máy	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
		Vật liệu cơ khí	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
		Đồ án chi tiết máy	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
		Cơ học lý thuyết	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
		Thực tập Kỹ thuật lái xe	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		
9	Đặng Đình Huy	Dung sai - Kỹ thuật đo	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
		Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Công nghệ kim loại	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập Kỹ thuật lái xe	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		
10	Phạm Thị Như Trang	Vẽ kỹ thuật	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
11	Nguyễn Sĩ Sơn	Hệ thống điện động cơ	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Lý thuyết ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Hệ thống điện thân xe	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Thực tập động cơ F1	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Thực tập cuối khoá	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
		Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		
12	Vi Thị Nhung	Sức bền vật liệu	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Chi tiết máy	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
		Đồ án chi tiết máy	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
13	Nguyễn Mạnh Hùng	Dung sai - Kỹ thuật đo	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Công nghệ kim loại	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập cơ khí (3TC)	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
14	Nguyễn Văn Hậu	Thực tập hộp số tự động	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Kết cấu ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
		Thực tập gầm ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
15	Phạm Quang Tiến	Vật liệu cơ khí	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập cơ khí (3TC)	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
16	Lê Thanh Cương	Kết cấu ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập hộp số tự động	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Thực tập động cơ F2	Học kỳ 2, năm thứ 4	x				
		Kỹ thuật sửa chữa ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 5	x				
17	Nguyễn Thành Trung	Lý thuyết ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Thực tập kỹ thuật sửa chữa ô tô	Học kỳ 2, năm thứ 4			x		
18	Giang Quốc Khánh	Truyền động thủy lực và khí nén	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
19	Phạm Đức Cường	Thủy lực đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
20	Lê Văn Tùng	Kỹ thuật điện - điện tử	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
21	Vũ Thị Duyên	Khởi nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2			x	x	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Kinh tế học đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 3	x	x			
		Quản trị kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
22	Lê Hồ Hiếu	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 1, năm thứ 3	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
23	Đặng Đình Đức	Nhập môn tin học	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	Đoàn Thị Như Quỳnh	Kỹ thuật điện - điện tử	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
25	Đặng Thị Thu Giang	Khởi nghiệp	Học kỳ 1, năm thứ 2			x	x	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Kinh tế học đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 3	x	x			
		Quản trị kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 3	x				
26	Bùi Công Viên	Vẽ kỹ thuật	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Tin học ứng dụng ngành (CNKTOTO)	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
		Kỹ thuật nhiệt	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
27	Đoàn Việt Dũng	Pháp luật đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
28	Lê Thị Hằng	Pháp luật đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
29	Vũ Ngọc Hà	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 2	x	x			

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30	Nguyễn Thị Thu Hằng	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			
		Văn hóa kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 2			x	x	
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ 2	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
31	Trần Thị Hoàn	Kỹ năng mềm	Học kỳ 2, năm thứ 1	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 1, năm thứ 2	x	x			
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			
32	Nguyễn Thị Hải Ninh	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 2	x	x			Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Kỹ năng mềm	Học kỳ 2, năm thứ 1	x	x			
		Văn hóa kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ 2			x	x	
33	Hoàng Thanh Vân	Kỹ thuật nhiệt	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Nhiên liệu, dầu, mỡ và chất tẩy rửa	Học kỳ 2, năm thứ 3	x				
34	Nguyễn Thị Thu Hương	Toán cao cấp 2	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
35	Bùi Thị Hồng Vân	Toán cao cấp 2	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
36	Nguyễn Thị Như Hoa	Hóa học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
37	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Vật lý đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
38	Mai Thị Huyền	Tiếng Anh cơ bản 2	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
39	Lê Thị Thanh Hoa	Vật lý đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
40	Đông Thị An Sinh	Tiếng Anh cơ bản 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
41	Vũ Thị Thái	Tiếng Anh cơ bản 2	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
42	Phạm Thị Thùy	Hóa học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
43	Phạm Thị Thu Hà	Giáo dục thể chất 1	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Giáo dục thể chất 2	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
		Giáo dục thể chất 3	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
44	Bùi Thị Huyền	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Tiếng Anh cơ bản 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				
45	Nguyễn Thanh Huyền	Toán cao cấp 1	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
46	Trần Hoài Nam	Giáo dục thể chất 1	Học kỳ 2, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
		Giáo dục thể chất 2	Học kỳ 1, năm thứ 2	x				
		Giáo dục thể chất 3	Học kỳ 2, năm thứ 2	x				
47	Vũ Thị Thanh Huyền	Tiếng Anh ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	Học kỳ 1, năm thứ 4	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
48	Trương Công Tuấn	Giáo dục QPAN	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
49	Dương Khắc Mạnh	Giáo dục QPAN	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
50	Nguyễn Xuân Huy	Giáo dục QPAN	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo
51	Đoàn Quang Hậu	Giáo dục QPAN	Học kỳ 1, năm thứ 1	x				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy chương trình đào tạo

4.1.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo

Bảng 4.3. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ đào tạo	Năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành
1	Lê Quý Chiến	08/05/1973	Trưởng khoa	Tiến sĩ	2015	Cơ khí - Động lực
2	Nguyễn Bá Thiện	04/3/1979	Phó trưởng khoa	Thạc sĩ	2009	Khai thác, bảo trì ô tô, máy kéo

4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Đề xuất mở Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Khoa Cơ khí- Động lực phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường, xu thế phát triển của Tỉnh Quảng Ninh và của Khu vực cũng như của đất nước và nhu cầu xã hội.

Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh có đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có đủ khả năng đào tạo trình độ đại học chương trình Công nghệ kỹ thuật ô tô đảm bảo uy tín và có chất lượng. Quy trình đào tạo của Trường sẽ đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Trong thời gian tới Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh tiếp tục đầu tư theo kế hoạch và lộ trình đã chỉ ra trong Chiến lược của trường giai đoạn đến năm 2030, để thực hiện kế hoạch tuyển sinh có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với chương trình đào tạo mà trường đăng ký mở.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hai cơ sở: Cơ sở 1 tại Phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh có diện tích đất sử dụng là 10,7 ha và Cơ sở 2 tại Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh có diện tích đất sử dụng là 20 ha. Nhà trường đầu tư xây dựng nhà hiệu bộ có diện tích xây dựng 1.357,2 m², tầng cao 2 tầng có diện tích sàn 2.714,4 m², giảng đường chính với 80 phòng học lý thuyết, 21 phòng học chuyên dùng trong đó có 3 phòng thực hành tin học, giảng đường D1 có tổng diện tích xây dựng 887,1 m², tầng cao 4 tầng, diện tích sàn 3.548,4 m² và giảng đường D2 có tổng diện tích 985,5 m², tầng cao 5 tầng, diện tích sàn 4.927,5 m².

Các trung tâm thực hành, thực tập thí nghiệm có đầy đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được bố trí khoa học, hợp lý với tổng diện tích sử dụng 4.029m². Cụ thể, diện tích dành cho nơi làm việc là 2.682,55 m², dành cho nơi học là 12.637 m², dành cho nơi vui chơi giải trí là 696,36 m². Bình quân diện tích đất/sinh viên là 281,69 m²/ 1 sinh viên, bình quân diện tích sàn trên 1 sinh viên là 55,06 m²/1 sinh viên (cao hơn so với quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học ở Thông tư 24/2015/TTBGDDĐT ngày 23/09/2015).

Hiện tại, khoa CKĐL có số lượng NH đang theo học là 105 sinh viên (xem bảng 6.5), diện tích phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Khoa để thực hiện CTĐT đảm bảo theo quy định, hiện khoa đang sử dụng khu vực tầng 1 nhà B cơ sở chính của Trường với tổng cộng 7 phòng, trong đó: 4 phòng dành cho 4 bộ môn, 1 phòng cho lãnh đạo đơn vị, 1 văn phòng khoa (dùng để tổ chức hội thảo, phòng họp...) và 1 phòng lưu trữ tài liệu, luận văn của Khoa. Ngoài ra, Khoa còn được sử dụng chung 2 phòng hội thảo có đầy đủ phương tiện, hệ thống WiFi phục vụ hội thảo các cấp; Các phòng làm việc được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, máy tính được kết nối internet, máy in, Xưởng thực hành của Khoa được bố trí tại khu vực nhà I và nhà H gồm: Xưởng thực hành cơ khí ô tô và Xưởng Cơ khí (Phòng thực hành cắt gọt kim loại),

đồng bộ hiện đại và đảm bảo đủ diện tích cho sinh viên thực hành thực tập. Các phòng thực hành được trang bị máy tính kết nối mạng internet, từng ngành đào tạo có các phần mềm đặc trưng cho từng môn học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường, của khoa có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Toàn bộ hệ thống phòng học, phòng THPTN của Nhà trường đã được đưa vào hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc bố trí kế hoạch đào tạo để sử dụng hợp lý và hiệu quả nhất nguồn CSVC. Nhà trường đã có đơn vị chịu trách nhiệm quản lý CSVC là Phòng Quản trị - dịch vụ công. Hệ thống theo dõi tình hình CSVC của Trường khá đầy đủ. Bộ phận chức năng bố trí giảng đường theo thời khoá biểu của PĐT. Hầu hết các phòng học được trang bị khá đủ các thiết bị thiết yếu như bàn ghế, ánh sáng, âm thanh, quạt và máy tính, máy chiếu. thống lớp học đã được thiết kế và xây dựng nhiều phòng học với các diện tích phòng học khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của các ngành học. Cụ thể, nhà trường có một hội trường kiêm phòng học lớn với diện tích 481 m² có quy mô hơn 200 chỗ ngồi được trang bị đồng bộ, hiện đại bao gồm cả thiết bị âm thanh, máy chiếu lắp đặt cố định và máy điều hòa nhiệt độ; có 12 phòng học từ 100 – 200 chỗ với tổng diện tích 1.801,9 m²; có 39 phòng học từ 50 - 100 chỗ với tổng diện tích 2.991,9 m² và 36 phòng học dưới 50 chỗ ngồi với tổng diện tích 2.008,9 m². Hàng năm nhà trường đã cho kiểm kê rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy.

Khu làm việc (nhà hiệu bộ) có 02 công trình: Công trình nhà Hiệu bộ A2, mới khánh thành năm 2023 và đưa vào sử dụng với thiết kế 04 tầng, tổng diện tích 2967m². Tất cả các phòng làm việc đều được lắp đặt điều hòa nhiệt độ, đảm bảo đủ ánh sáng, hệ thống mạng LAN, WIFI.

Trong các năm kế hoạch, Nhà trường đều có kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH.

Khoa CKĐL được nhà trường bố trí giảng dạy tại các giảng đường trong trường tại các nhà D1, nhà D2 cho sinh viên các ngành. Các phòng học có đầy đủ hệ thống quạt và hệ thống chiếu sáng, máy chiếu đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo. Sinh viên ngành CNKTCK nói riêng và sinh viên khoa CKĐL nói chung được học tập trong hệ thống phòng học đạt chuẩn của Trường. Với số phòng và trang thiết bị hiện có, Khoa CKĐL đã đủ điều kiện dạy và học cho các lớp và các hệ đào tạo. Hàng năm, phòng Quản trị - dịch vụ công đều có báo cáo về công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ dạy và học. Khoa và Nhà trường thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định của Nhà nước, thông qua đó có kế hoạch mua sắm, sửa chữa và nâng cấp CSVC. Các đơn vị trong trường sẽ rà soát và gửi yêu cầu đề xuất sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị để Ban giám hiệu có cơ sở phê duyệt. Phòng Quản trị - dịch vụ công, phòng hành chính tổng hợp, phòng tài chính kế toán, ban đầu tư phối hợp lên kế hoạch và thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bảo trì và nâng cấp chất lượng của CSVC thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [Phụ lục 9].

Bảng 5.1. Diện tích phòng học, phòng làm việc, thư viện, Phòng TH-TN

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04	1075	Các học phần thuộc khối giáo dục đại cương	Học kỳ 1, 2, năm học thứ 1	
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	15	1904	Các học phần trong chương trình đào tạo	Các học kỳ trong chương trình đào tạo	
1.3	Phòng học từ 75 – 100 chỗ	22	1882	Các học phần trong chương trình đào tạo	Các học kỳ trong chương trình đào tạo	
1.4	Số phòng học dưới 75 chỗ	66	3763	Các học phần trong chương trình đào tạo	Các học kỳ trong chương trình đào tạo	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	23	1812	Các học phần trong chương trình đào tạo	Các học kỳ trong chương trình đào tạo	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	1050	Các học phần trong chương trình đào tạo	Các học kỳ trong chương trình đào tạo	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	28	4534	Các học phần thực hành	Học kỳ 1,2 năm học thứ 4	

5.1.3. Thư viện, giáo trình

Trung tâm TT - TV bao gồm thư viện sách, thư viện điện tử, hệ thống hỗ trợ học tập và hệ thống mạng máy tính, hệ thống máy chủ để tìm kiếm và quản lý thông tin phục vụ công tác đào tạo, học tập và NCKH. Tòa nhà thư viện có tổng diện tích sàn là 535 m², có kết cấu 3 tầng nằm trên khuôn viên rộng 75.229,5 m² của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh. Thư viện có kiến trúc mở, rất thuận tiện cho người sử dụng. Bốn phía của nhà thư viện đều có hành lang rộng và cửa ra vào cho người sử dụng. Tầng 1 và tầng 3 bao gồm các phòng thực hành tin của trung tâm tin học - ngoại ngữ và các Khoa chuyên môn. Tầng 2 dùng để bố trí hệ thống kệ sách, máy tính, bàn ghế phục vụ

người sử dụng thư viện. Các phòng chức năng khác của thư viện dùng để quản lý, tổ chức các hoạt động nghiệp vụ của thư viện được bố trí ngay tại tầng 1.

Kho sách của thư viện được bố trí tại tầng 2, bao gồm 30 giá sách, bàn ghế đọc tài liệu và 20 bộ máy tính có cấu hình mạnh, kết nối internet tốc độ cao để phục vụ người sử dụng. Kho sách là nơi lưu trữ và phục vụ tất cả các loại tài liệu in có trong thư viện, trong đó có các loại tài liệu quý, hiếm, đơn bản, báo, tạp chí, ấn phẩm nộp lưu chiểu và phục vụ theo hình thức mở, đọc tại chỗ.

Tài nguyên của thư viện bao gồm tài liệu in và cơ sở dữ liệu. Với gần 6000 đầu sách in và gần 4000 sách điện tử, Thư viện đã cung cấp nguồn học liệu phong phú, đa dạng: giáo trình, sách tham khảo bằng tiếng Việt, sách tham khảo bằng tiếng Anh, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, tạp chí chuyên ngành bao gồm các tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong ĐCCT thuộc các học phần ngành CN kỹ thuật Cơ khí. Về cơ bản, tài liệu phục vụ cho đào tạo ngành CNKTCK đã được Thư viện Trường đáp ứng đủ nhu cầu. Hàng năm, Trung tâm TT-TV lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo cho ngành CNKTCK; tích cực phối hợp Khoa, Bộ môn quản lý chuyên ngành trong việc rà soát, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo cho chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán. Nhờ đó nguồn tài liệu, tạp chí, của Trung tâm luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giảng viên và học viên [Phụ lục 9].

Thư viện điện tử: <http://https://thuvien.qui.edu.vn/>

Thông tin bản quyền kết nối với cơ sở dữ liệu trong nước

5.1.4. Công nghệ hỗ trợ giảng dạy.

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh định hướng phát huy hình thức giảng dạy tập trung kết hợp với giảng dạy trực tuyến. Giảng viên và sinh viên có thể truy cập vào website Trường theo link <https://teams.microsoft.com/l/meetup-join/> để được hướng dẫn tham gia lớp học trực tuyến, cũng như có thể trao đổi với giảng viên giảng dạy, xem và tải học liệu online, xem thông tin giảng viên đăng tải, ... thông qua ứng dụng Ms Teams, Google Classroom và Google Meet.

5.1.5. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Bảng 5.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (Theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
1	Số 665/QĐ-ĐHCNQN ngày 14/10/2014	Trường	Nghiên cứu thiết kế và chế tạo mô hình máy khoan than để sử dụng vào việc giảng dạy học phần Máy khai thác mỏ tại Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh	TS. Lê Quý Chiến	Số 267/QĐ-ĐHCNQN ngày 25/5/2015/2015	05/06/2015	Khá	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu, KS. Bùi Duy Khuông, ThS. Đặng Đình Huy	
2	Số 662/QĐ – KHCN ngày 15/10/2015	Trường	Ứng dụng Autodesk Inventor nghiên cứu tính toán và thiết kế mô hình xe thu gom rác cải tiến ở khu dân cư	TS. Lê Quý Chiến	Số 652/QĐ-KHCN ngày 15/08/2016	20/09/2016	Giỏi	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu,	
3	Số 820/QĐ-KHCN ngày 10/10/2016	Trường	Nghiên cứu thiết kế và xây dựng mô hình máy và thiết bị khoan đá để ứng dụng trong giảng dạy tại Trường đại học Công nghiệp Quảng Ninh	TS. Lê Quý Chiến	/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/2017	08/2017	Giỏi	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu	
4	Số 764/QĐ/LĐTBXH/2019	Tỉnh	Mô hình thí nghiệm truyền động thủy lực ứng dụng trên máy công nghiệp	TS. Lê Quý Chiến	Số 764/QĐ/LĐTBXH/2019	05/2019	Giải Ba	TS. Lê Quý Chiến ThS. Giang Quốc Khánh ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (Theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
5	Số 764/QĐ/LĐT BXH/2019	Tỉnh	Mô hình hệ thống khung xe và dẫn động lái	ThS. Nguyễn Bá Thiện	Số 764/QĐ/LĐT BXH/2019	05/2019	Giải KK	ThS. Nguyễn Bá Thiện ThS. Nguyễn Văn Hậu	
6	50/QĐ-ĐHCNQN ngày 18/01/2019	Trường	Thiết kế Bộ truyền tháo ren trên khuôn ép nhựa phục vụ tại phòng Thực hành - Thí nghiệm cắt gọt kim loại	TS. Lê Quý Chiến	391/QĐ-ĐHCNQN ngày 24/07/2019	07/2019	Khá	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	
7	611A/QĐ-ĐHCNQN ngày 22/10/2019	Trường	Nghiên cứu chế tạo, lắp đặt mô hình xe sinh thái tiết kiệm nhiên liệu tham gia cuộc thi lái xe sinh thái - tiết kiệm nhiên liệu Honda 2020	Nguyễn Bá Thiện	450b/QĐ-ĐHCNQN ngày 20/08/2020	08/2020	Khá	ThS. Nguyễn Bá Thiện TS. Lê Quý Chiến ThS. Nguyễn Văn Hậu ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Đào Đức Hùng	
8	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	Trường	Thiết kế, xây dựng mô hình bộ uốn ống bằng tay để chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ đào tạo tại phòng thực hành cắt gọt kim loại	TS. Lê Quý Chiến	450b/QĐ-ĐHCNQN ngày 20/08/2020	08/2020	Khá	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng ThS. Phạm Thị Như Trang	
9	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	Trường	Nghiên cứu chế tạo máy quét và gom rác phù hợp với điều kiện bề mặt địa hình Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh	TS. Bùi Thanh Nhu	872a/QĐ-ĐHCNQN ngày 15/12/2020	12/2020	Khá	TS. Bùi Thanh Nhu ThS. Hà Thị Ngọc Mai ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Bá Thiện ThS. Nguyễn Văn Hậu ThS. Nguyễn Mạnh Hùng SV. Vũ Xuân Bang SV. Phạm Hoàng Kiên	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (Theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phân/môn học được phân công)	Ghi chú
								SV. Vũ Quang Khải SV. Cao Thế Trung SV. Trần Công Đức	
10	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	Trường	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo buồng khử khuẩn toàn thân di động bằng tia cực tím	ThS. Phạm Quang Tiến	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	04/2020	Khá	ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Trần Văn Thương ThS. Bùi Trung Kiên ThS. Đoàn Thị Bích Thủy	
11	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	Trường	Nghiên cứu đánh giá tính khả tuyển than nguyên khai lò 200A công trường sản xuất thực nghiệm Nam Mẫu	ThS. Nguyễn Thị Phương	450b/QĐ-ĐHCNQN ngày 20/08/2020	08/2020	Khá	ThS. Nguyễn Thị Phương Thành viên đề tài: ThS. Nguyễn Thị Mai, ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết; ThS. Bùi Kim Dung, ThS. Trần Thị Duyên; ThS Trần Thị Vân.	
12	153A/QĐ-ĐHCNQN ngày 08/04/2020	Trường	Nghiên cứu chế tạo hệ thống phun sương dập bụi từ quạt gió cục bộ thu hồi tại phân xưởng Thực nghiệm sản xuất Yên Ngựa.	TS. Hoàng Hùng Thắng	381a/QĐ-ĐHCNQN ngày 22/07/2020	07/2020	Xuất sắc	TS. Hoàng Hùng Thắng; Ths. Phạm Ngọc Huynh; Ks. Phạm Vũ Uyên Ths. Phạm Anh Mai Ths. Phạm Quang Tiến Ths. Nguyễn Bá Thiện Ths. Nguyễn Văn Hậu Ths. Nguyễn Mạnh Hùng	
13	721/QĐ-ĐHCNQN ngày 6/11/2020	Trường	Thiết kế, lắp đặt mô hình cầu nâng sửa chữa Ô tô phục vụ đào tạo tại phòng thực hành gầm Ô tô	TS. Lê Quý Chiến	279/QĐ-ĐHCNQN ngày 21/06/2021	5/8/2021	Khá	TS. Lê Quý Chiến ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng ThS. Trần Đình Hương ThS. Đào Đức Hùng	
14	588/QĐ-ĐHCNQN ngày 9/11/2021	Trường	Nghiên cứu một số dạng mòn hỏng máy bơm ly tâm thoát nước ngành mỏ	TS. Lê Quý Chiến	328/QĐ-ĐHCNQN ngày 2/8/2022	2/8/2014	Khá	TS. Lê Quý Chiến ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (Theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
			vùng Quảng Ninh, đề xuất biện pháp hạn chế khắc phục.					ThS. Trần Đình Hương ThS. Đào Đức Hùng	
15	202/QĐ-BTC ngày 07/11/2023	Tỉnh	Nghiên cứu thiết kế, hoàn cải tái sử dụng quạt gió cục bộ, thiết bị điện thu hồi từ các mỏ hầm lò thành hệ thống phun sương dập bụi	TS. Hoàng Hùng Thắng	202/QĐ-BTC ngày 07/11/2023	11/2023	Giải KK	TS. Hoàng Hùng Thắng; TS. Phạm Đức Thang TS. Lê Quý Chiến ThS. Phạm Quang Tiến TS. Tạ Văn Kiên ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	
16	04a/QĐ-ĐHCNQN ngày 5/1/2023	Trường	Nghiên cứu thiết kế, cải tiến bộ truyền động trên máy chế nan tre, trúc cỡ nhỏ phục vụ đào tạo tại xưởng thực hành cơ khí (phòng thực hành Cắt gọt kim loại) trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	TS. Lê Quý Chiến	132a/QĐ-ĐHCNQN ngày 15/3/2024	12/8/2024	Khá	TS. Lê Quý Chiến TS. Bùi Thanh Nhu ThS. Đặng Đình Huy ThS. Phạm Quang Tiến ThS. Nguyễn Mạnh Hùng TS. Hoàng Mạnh Giới	

Bảng 5.3: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
I	Giáo trình, sách chuyên khảo	
1	TS. Đinh Văn Chiến; TS. Bùi Thanh Nhu (2015) “ <i>Tính toán áp dụng hợp lý Giá khung thủy lực di động dùng trong khai thác hầm lò</i> ”, lần thứ nhất, NXB Xây dựng, Hà Nội	Sách chuyên khảo

2	TS. Đinh Văn Chiến; TS. Lê Quý Chiên (2016) “ <i>Tính toán, áp dụng máy khoan đập xoay trong khai thác mỏ</i> ”, lần thứ nhất, NXB Xây dựng, Hà Nội	Sách chuyên khảo
3	TS. Lê Quý Chiên (2020), <i>Máy xây dựng</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh	Giáo trình Cấp trường
4	TS. Lê Quý Chiên, ThS. Nguyễn Bá Thiện (2021), <i>Động cơ đốt trong F1</i> (cấp trường) (3 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
5	TS. Lê Quý Chiên, ThS. Nguyễn Bá Thiện (2022), <i>Nhiên liệu, dầu, mỡ & Chất tẩy rửa</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
6	TS. Bùi Thanh Nhu, ThS. Nguyễn Bá Thiện (2022), <i>Thực tập động cơ F1</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
7	TS. Lê Quý Chiên, ThS. Giang Quốc Khánh, ThS. Đào Đức Hùng (2023), <i>Kỹ thuật thông gió</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
8	TS. Lê Quý Chiên, TS. Bùi Thanh Nhu (2023), <i>Bơm, Quạt, Máy nén</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
9	ThS. Bùi Kim Dung; ThS. Trần Thị Duyên; ThS. Trần Thị Vân (2023), <i>Thiết kế xưởng tuyển khoáng</i> (cấp trường) (3 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
10	TS. Lê Quý Chiên, ThS. Nguyễn Bá Thiện (2023), <i>Động cơ đốt trong F1</i> , GT cấp NXB - ISBN: 978 - 604 - 362 - 863 - 0; lần thứ nhất, NXB Công Thương, Hà Nội	Giáo trình Chỉ số ISBN
11	TS. Bùi Thanh Nhu; TS. Lê Lê Quý Chiên, ThS. Nguyễn Bá Thiện, ThS. Nguyễn Mạnh Hùng (2023), <i>Thực tập động cơ F1</i> , GT cấp NXB - ISBN: 978-604-481-013-3; lần thứ nhất, NXB Công Thương, Hà Nội	Giáo trình Chỉ số ISBN
12	TS. Lê Quý Chiên; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đào Đức Hùng (2024), <i>Kỹ thuật an toàn và môi trường cơ khí</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
13	ThS. Nguyễn Bá Thiện, ThS. Lê Thanh Cương (2024), <i>Thực tập điện ô tô F1</i> (cấp trường) (3 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
14	ThS Phạm Thị Như Trang; ThS Nguyễn Bá Thiện. (2024), <i>Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
15	ThS Nguyễn Sĩ Sơn; ThS Nguyễn Văn Hậu (2024), <i>Kết cấu ô tô F1</i> (cấp trường) (3 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường
16	ThS Nguyễn Văn Hậu; ThS Nguyễn Sĩ Sơn (2024), <i>Động cơ đốt trong F2</i> (cấp trường) (2 tín chỉ), lần thứ nhất, NXB trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.	Giáo trình Cấp trường

17	TS. Lê Quý Chiển, ThS. Đào Đức Hùng, ThS. Đặng Đình Huy, ThS. Phạm Quang Tiến (2024), <i>Bom - Quạt - Máy nén</i> , GT cấp NXB - ISBN: 978-604-481-328-8; lần thứ nhất, NXB Công Thương, Hà Nội	Giáo trình Chỉ số ISBN
18	TS. Lê Quý Chiển, ThS. Trần Thị Duyên, ThS. Vi Thị Nhung, ThS. Trần Đức Quý (2024), <i>Cung cấp nước và khí</i> , GT cấp NXB - ISBN: 978-604-481-519-0; lần thứ nhất, NXB Công Thương, Hà Nội	Giáo trình Chỉ số ISBN
II	Bài báo, công trình khoa học đăng trên tạp chí, kỷ yếu HNKH	
19	Lê Quý Chiển (2018), <i>Nghiên cứu tính toán, thiết kế một số bộ phận chính của xe thu gom rác thải cỡ nhỏ ở khu dân cư, đô thị</i> , Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V, Trang 184-190.	Kỷ yếu
20	Bùi Thanh Nhu (2018), <i>Một phương pháp kiểm nghiệm mái chính của giá khung thủy lực di động dùng trong khai thác hầm lò vùng Quảng Ninh</i> , Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V, Trang 191-196.	Kỷ yếu
21	Nguyễn Xuân Thành (2018), <i>Xây dựng chương trình tính toán thiết kế bộ cá hãm xe goong bằng ngôn ngữ lập trình Microsoft® Visual basic 6.0</i> , Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V, Trang 196-200.	Kỷ yếu
22	Bùi Thanh Nhạn (2018), <i>Ứng dụng VBA giải quyết bài toán tính đặc trưng hình học của mặt cắt ngang trong môn học sức bền vật liệu, cơ học kết cấu và thực tế tính toán</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. trang 214-221.	Kỷ yếu
23	Lưu Quang Thủy, Trần Thị Vân (2018), <i>Nghiên cứu xác định độ hạt tối ưu đưa tuyển nổi mùn than</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. Trang 203-207.	Kỷ yếu
24	Nguyễn Thị Mai (2018), <i>Nghiên cứu tính khả tuyển than nguyên khai vỉa 5 của Công ty Than Nam Mãn – TKV và đề xuất phương án tuyển</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. Trang 208-213.	Kỷ yếu
25	Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Thị Kim Tuyền, Bùi Kim Dung (2018), <i>Nghiên cứu nâng cao chất lượng tro bay của nhà máy nhiệt điện Đông Triều sử dụng làm vật liệu xây dựng</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. Trang 226-231.	Kỷ yếu
26	Trần Thị Duyên (2018), <i>Nghiên cứu đánh giá hiệu quả tuyển than trên máy tuyển huyền phù dạng tang quay của Công ty TNHH MTV Than Quang Hanh - TKV</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. Trang 232-236.	Kỷ yếu
27	Trần Thị Vân & NNK (2018), <i>Nghiên cứu tuyển nổi than hạt mịn vùng Hòn Gai trong dung dịch nước biển</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V. Trang 237-244.	Kỷ yếu
28	Nguyễn Bá Thiện (2018), “Nghiên cứu, khai thác sử dụng máy chẩn đoán g-scan2, thiết bị xác định lỗi của hệ thống điều khiển điện tử trên ô tô thế hệ mới”, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ Đại học Công nghiệp Quảng Ninh lần V.	Kỷ yếu
29	Bùi Thanh Nhu, Lê Quý Chiển (2018), <i>Xác định kích thước hợp lý cho cột chống của giá khung thủy lực di động dùng trong khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh</i> , Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí Việt Nam - Số 6 (tháng 6/2018).	Tạp chí

30	Lê Quý Chiến, Bùi Thanh Nhu (2018), <i>Phương pháp xác định ảnh hưởng của góc sắc và tốc độ quay đến tuổi thọ của đầu mũi khoan đập khi khoan đất đá tạo lỗ nổ mìn vùng than Quảng Ninh</i> , Tạp chí Cơ Khí Việt Nam, Số 12-2018.	Tạp chí
31	Lê Quý Chiến và NNK (2019), <i>Mô hình thí nghiệm truyền động thủy lực ứng dụng trên máy công nghiệp</i> , Cuộc thi Thiết bị đào tạo tự làm tỉnh QN năm 2019. Giấy khen Quyết định số: 764/QĐ/LĐTBXH	Cuộc thi sáng tạo
32	Nguyễn Mạnh Hùng (2019), <i>Về một phương pháp thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa</i> , Tập san số 47, tháng 6/2019	Tập san
33	Bùi Kim Dung, Nguyễn Thị Phương (2019), <i>Nghiên cứu thu hồi sắt từ bùn đỏ nhà máy luyện Alumina Lâm Đồng bằng phương pháp cơ giới hóa</i> , Tập san số 47, tháng 6/2019, trang 101 - 104	Tập san
34	Nguyễn Bá Thiện và NNK (2019), <i>Mô hình hệ thống khung xe và dẫn động lái</i> , Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm tỉnh QN năm 2019, Giấy khen Quyết định số: 764/QĐ/LĐTBXH,	Cuộc thi sáng tạo
35	Lê Quý Chiến (2020), <i>Phương pháp xác định ảnh hưởng của lực đập P đến tuổi thọ của đầu mũi khoan khi khoan đất đá tạo lỗ nổ mìn vùng than Quảng Ninh</i> , Hội nghị khoa học lần thứ VI-ĐHCNQ, 05/2020	Hội nghị KH
36	Nguyễn Bá Thiện, Bùi Thanh Nhu (2020), <i>Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tiết kiệm nhiên liệu cho xe gắn máy tự chế tạo</i> , Hội nghị khoa học lần thứ VI-ĐHCNQ, 05/2020,	Kỷ yếu
37	Nguyễn Chí Thanh (2020), <i>Hiệu chỉnh nghiệm chính xác khi giải bài toán động học ngược Robot chuỗi dư dẫn động bằng phương pháp số</i> , Tập san số 51, 2020. Trang 07-10.	Tập san
38	Bùi Kim Dung, Nguyễn Thị Phương (2020), <i>Đánh giá tính khả tuyển than nguyên khai lò 200A công trường sản xuất thực nghiệm Nam Mẫu</i> , Tập san số 51, 2020. Trang 11-13.	Tập san
39	Giang Quốc Khánh & NNK (2020), <i>Nghiên cứu tính toán thông số thiết kế cơ bản cho bánh công tác máy bơm bùn ly tâm phù hợp với dòng hỗn hợp hai pha vận chuyển</i> , Tạp chí Cơ khí Năng lượng - mô, Số 21-2020, trang 23 -26. Chỉ số ISSN: 2354-1164	Tạp chí
40	Giang Quốc Khánh & NNK (2020), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường đến sự tỏa nhiệt của đường ống thủy lực trong các máy thủy lực mở lộ thiên</i> , Tạp chí Cơ khí Năng lượng - mô, Số 21-2020, trang 27 -31. Chỉ số ISSN: 2354-1164	Tạp chí
41	Giang Quốc Khánh & NNK (2020), <i>Ảnh hưởng của sự tăng nhiệt độ dầu thủy lực đến sự biến đổi của các tính chất vật lý nhiệt và năng suất tỏa nhiệt của đường ống thủy lực</i> , Tập san số 52-2020, Trang 08-12.	Tập san
42	Vi Thị Nhung & NNK (2020), <i>Công nghệ luyện thép 10GNA từ thép phế để chế tạo vỏ thân đạn Rocket R122</i> , Bài báo đăng trên tạp chí KH&CN trường ĐHSPKT Hưng Yên, Số 26-6/2020, trang 21 -26. Chỉ số ISSN: 2354-0575.	Tạp chí
43	Giang Quốc Khánh & NNK (2020), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của sự tăng nhiệt độ dầu thủy lực đến tổn thất lưu lượng và công suất trong máy bơm Piston rotor hướng trục</i> , Bài báo đăng trên tạp chí Cơ khí Năng lượng - mô, Số 22-7/2020, trang 21 -25. Chỉ số ISSN: 2354-1164;.	Tạp chí

44	Giang Quốc Khánh, Trần Thị Duyên & NNK (2020), <i>Mô phỏng quỹ đạo chuyển động của hạt rắn trong dòng hỗn hợp hai pha rắn - lỏng qua bánh công tác máy bơm bùn ly tâm</i> , Bài báo đăng trên tạp chí Cơ khí Năng lượng - mỏ, Số 23-9,10/2020, trang 9 -145. Chỉ số ISSN: 2354-1164.;	Tạp chí
45	Lê Quý Chiên & NNK (2020), <i>Khai thác nguồn lực cá nhân để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp của Khoa Cơ khí - Động lực và Nhà trường</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu HNKH tỉnh QN 10. 2020, trang 50 -55:.	Kỷ yếu
46	Lê Quý Chiên & NNK (2021), <i>Đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp của khoa CKĐL – trường ĐHCNQN</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu HNKH Tạp chí CKVN + Trường CDCN bắc Ninh 4. 2021, trang 65 -70:	Kỷ yếu
47	Lê Quý Chiên & NNK (2021), <i>Khai thác và sử dụng nguồn nhân lực để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp phục vụ phát triển ngành CN chế biến, chế tạo của tỉnh QN và khu vực</i> . Bài báo đăng trên kỷ yếu HNKH tỉnh Quảng Ninh 6. 2021, trang 52-57:	Kỷ yếu
48	Bùi Thanh Nhu (2021), <i>Investigation of the suitable dimensions for hydraulic prop support of self-advancing hydraulic roof support in underground mining at Quang Ninh coal basin in Viet Nam</i> , Bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài (CHLB Nga).	Tạp chí Nga
49	Lê Quý Chiên & NNK (2021), <i>Vai trò đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của trường ĐHCNQN phục vụ phát triển ngành CN chế biến, chế tạo của tỉnh Quảng Ninh</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu HNKH tỉnh QN – Trường ĐHCNQN 6. 2021, trang 67-72	Kỷ yếu
50	Giang Quốc Khánh (2021), <i>Nghiên cứu lựa chọn ống trao đổi nhiệt tối ưu cho bộ làm mát dầu bằng không khí của hệ thống thủy lực máy xúc mỏ lộ thiên</i> , Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí và Năng lượng Mỏ. ISSN: 2354-1164, Số 26, tháng 3,4/2021, trang 13-20:	Tạp chí
51	Giang Quốc Khánh (2021), <i>Tính toán tổn thất rò rỉ trong máy bơm Ptston rotor hướng trục của HTTĐTL máy khai thác mỏ</i> , Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí và Năng lượng Mỏ. ISSN: 2354-1164, Số 29, tháng 11,12/2021, trang 20-25:	Tạp chí
52	Giang Quốc Khánh (2021), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường làm việc đến khả năng tỏa nhiệt của bộ làm mát dầu bằng bằng không khí trong hệ thống thủy lực máy xúc mỏ lộ thiên</i> , Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí và Năng lượng Mỏ. ISSN: 2354-1164, Số 27, tháng 5,6/2021, trang 29-34:	Tạp chí
53	Lê Quý Chiên, Bùi Thanh Nhu & NNK (2022), <i>Ngành Cơ khí Ô tô và cơ hội việc làm rộng mở đối với sinh viên trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh</i> , Tạp chí Cơ khí Việt Nam, Số 1+2-2022, trang 166 -176. Chỉ số ISSN: 2615-9910:	Tạp chí
54	Giang Quốc Khánh, Lê Quý Chiên & NNK (2022), <i>Влияние теплофизических свойств рабочей жидкости на эффективность работы; XXX Между народный научный симпозиу м НЕДЕЛЯ ГОРНЯКА 2022, 01-04/02/2022, Moscow (Nghiên cứu sự ảnh hưởng các tính chất nhiệt lý của dầu thủy lực đến hiệu quả làm việc của hệ thống thủy lực máy xúc mỏ lộ thiên</i> . Hội nghị Khoa học Quốc tế lần thứ 30 (Tuần lễ của thợ mỏ 2022. Tháng 02/2022. Mátxcova, Liên bang Nga)	Hội nghị khoa học Quốc tế (CHLB Nga)

55	Trần Thị Vân & NNK (2022), <i>Chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ, cơ hội và thách thức tại trường CĐ VHNT Đắk Lắk</i> , Bài báo đăng trên Kỷ yếu bộ văn hóa thể thao và du lịch 05/2022. trang 55-61	Kỷ yếu
56	Lê Quý Chiên, & NNK(2022), <i>Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thi kết thúc học phần</i> , CĐR tại trường ĐHCNQN, <i>Bản tin QUI số 61-/2022</i> , trang 1 - 4	Bản tin
57	Giang Quốc Khánh & NNK (2022), <i>Ảnh hưởng của các bước phân bố ống trao đổi nhiệt đến khả năng tỏa nhiệt của bộ làm mát dầu bằng không khí trong hệ thống thủy lực máy xúc thủy lực mỏ lộ thiên</i> , HNKH Trường ĐHCNQN lần 7; 5/2022,	Hội nghị khoa học
58	Lê Quý Chiên & NNK (2022), <i>Nghiên cứu thu hồi dung dịch nhũ tương áp suất cao xả ra từ cột chống thủy lực trong quá trình làm việc</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu HNKH Trường ĐHCNQN lần 7; 5. 2022, trang 193 - 198:	Hội nghị khoa học
59	Vi Thị Nhung (2022), <i>Thiết kế mô hình và điều khiển hoạt động của Rô Bốt sử dụng các phần mềm Solidword, Maple, Robot Simulator</i> , HNKH Trường ĐHCNQN lần 7; 5/2022	Hội nghị khoa học
60	Giang Quốc Khánh & NNK (2022), <i>Ảnh hưởng của nhiệt độ dầu thủy lực đến tổn thất công suất trong hệ thống thủy lực máy xúc thủy lực mỏ lộ thiên</i> , Bài báo đăng trên HNKH Trường ĐHCNQN lần 7; 5/2022,	Kỷ yếu
61	Lê Quý Chiên & NNK (2022), <i>Nghiên cứu một số dạng mòn hỏng máy bơm ly tâm khi vận chuyển dòng hỗn hợp hai pha Rắn - lỏng trong khai thác mỏ vùng Quảng Ninh</i> , Tạp chí Cơ khí Việt Nam, Số 295-10/2022, Chi số ISSN: 2615-9910: trang 55 - 65.	Tạp chí
62	Phạm Thị Như Trang, Lê Quý Chiên (2022), <i>Kết nối giữa nhà trường và các DN trong hoạt động đào tạo với bối cảnh hội nhập và CMCN 4.0</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh QN “Tăng cường sự liên kết giữa các trường ĐH-CĐ với DN trong tỉnh QN phục vụ PT bền vững” 10. 2022, trang 136-141:	Kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh QN
63	Lê Quý Chiên, Bùi Thanh Nhu (2022), <i>Công tác liên kết, hợp tác giữa nhà trường với các DN CK ô tô trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực CK ô tô</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh QN “Tăng cường sự liên kết giữa các trường ĐH-CĐ với DN trong tỉnh QN phục vụ PT bền vững” 10. 2022, trang 38-42: .	Kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh QN
64	Giang Quốc Khánh & NNK (2020), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường làm việc đến sự tỏa nhiệt của bể chứa dầu trong hệ thống thủy lực máy xúc mỏ lộ thiên</i> , Bài báo đăng trên Tạp san QUI, Số 52, 2020, trang 3-7:	Tạp san
65	Lê Quý Chiên & NNK (2023), <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của lực đập và góc sắc đến tuổi thọ của đầu mũi khoan đập khi khoan đất đã tạo lỗ nổ mìn vùng than Quảng Ninh</i> , Tạp chí Cơ khí Năng lượng Mỏ. ISSN: 2354-1164 № 37. 3-4/2023. Trang 20-24.	Tạp chí
66	Nguyễn Thị Phương & NNK (2023), <i>Nghiên cứu nâng cao hàm lượng than chất lượng xấu của công ty than Hòn Gai dục vào mức độ giải phóng kết hạch</i> , Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí và Năng lượng Mỏ. ISSN: 2354-1164, Số 37, tháng 3-4/2023, trang 37-41	Tạp chí

67	Lê Quý Chiên, Bùi Thanh Nhu, Nguyễn Thành Trung (2023), <i>Xác định kích thước hợp lý mái chính của giá khung thủy lực di động dùng trong khai thác hầm lò vùng Quảng Ninh</i> , Tạp chí Cơ khí Việt Nam, Số 305-7/2023, Chỉ số ISSN: 2615-9910:	Tạp chí
68	Bùi Duy Khuông & NNK (2023), <i>Nâng cao hiệu quả công tác lập thời khóa biểu các lớp tin chi theo tiêu chí đào tạo lấy người học làm trung tâm</i> , Bài báo tạp chí điện tử KH&CN QUI, Tập. 1 Số. 03 (tháng 9/2023)	Tạp chí
69	Bùi Thanh Nhu (2023), <i>Hội khuyến học đóng góp tích cực vào bước phát triển của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh</i> Bài báo đăng trên Bản tin Khuyến học Quảng Ninh, trang 27-28. Giấy phép xuất bản số 06/GP-XBBT; in nộp lưu chiểu 12/2023.	Bản tin Tỉnh QN
70	Giang Quốc Khánh & NNK (2024) <i>Hợp tác quốc tế của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh: Bối cảnh, thực trạng và giải pháp thúc đẩy phát triển</i> , Tạp chí ĐT KH&CN QUI, Số 04-tháng 12/2023	Tạp chí
71	Lê Quý Chiên, Vi Thị Nhung, Phạm thị Như Trang (2024), <i>Thép chịu nhiệt ứng dụng tại các nhà máy nhiệt điện</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024, trang 118-122	Hội nghị khoa học
72	Lê Quý Chiên, Trần Thị Duyên & NNK (2024), <i>Một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của người học đáp ứng nhu cầu xã hội</i> . Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh. 05.2024, trang 141-145.	Hội nghị khoa học
73	Lê Quý Chiên, Vi Thị Nhung, Hoàng Thanh Vân (2024), <i>Các biện pháp nâng cao chất lượng hàn và bảo vệ môi trường chống ăn mòn đối với kết cấu hàn thép không gỉ khi xây dựng công trình điện gió ngoài khơi vùng Quảng Ninh</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024, trang 201-209.	Hội nghị khoa học
74	Giang Quốc Khánh & NNK (2024), <i>Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong ngành công nghiệp khai thác than</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024,	Hội nghị khoa học
75	Nguyễn Thị Phương & NNK (2024), <i>Đá thải mỏ tại Quảng Ninh - Thực trạng và định hướng tái sử dụng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024,	Hội nghị khoa học
76	Bùi Công Viên & NNK (2024), <i>Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và những giải pháp khắc phục</i> . Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024, trang 1-5.	Hội nghị khoa học
77	Vũ Thị Ánh Tuyết & NNK (2024), <i>Nghiên cứu công nghệ tuyển quặng barit, tận thu chì mỏ Lãng Cao- Bắc Giang bằng pp TN kết hợp bàn đãi</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KH Tỉnh Quảng Ninh 05. 2024,	Hội nghị khoa học
78	Bùi Công Viên, Giang Quốc Khánh & NNK (2024), <i>Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và những giải pháp khắc phục</i> . Tạp chí ĐT KH&CN QUI, Số 02-tháng 6/2024	Tạp chí
79	Bùi Duy Khuông & NNK (2024), <i>Nghiên cứu các giải pháp nâng cao hiệu quả mạch nghịch lưu nối lưới ba pha ba dây từ pin mặt trời ở mạng hạ áp</i> , Tập,2 Số .01 (2024) Tạp chí Khoa học và Công nghệ QUI phát hành ngày 21/05/2024	Tạp chí
80	Lưu Quang Thủy, Hoàng Thị Bích Hòa (2024), <i>Nghiên cứu tổng quan về xử lý nước thải gia công chế biến khoáng sản</i> , Tạp chí Khoa học và Công nghệ QUI.	Tạp chí

81	Lê Quý Chiến, Nguyễn Văn Hậu & NNK (2024), <i>Thực trạng công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh phục vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho tỉnh Quảng Ninh</i> , Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KHCN Tỉnh Quảng Ninh. 09.2024, Chi số ISBN: 978-604-492-718-3, trang 42-54.	Hội nghị khoa học
82	Lê Quý Chiến, Bùi Thanh Nhu & NNK (2024), <i>Tăng cường khai thác và sử dụng nguồn nhân lực để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp phục vụ phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của tỉnh Quảng Ninh</i> . Bài báo đăng trên kỷ yếu Hội thảo KHCN Tỉnh Quảng Ninh. 09.2024, Chi số ISBN: 978-604-492-718-3, trang 68-77.	Hội nghị khoa học
83	Lê Quý Chiến, Nguyễn Mạnh Hùng, Bùi Công Viên (2024), <i>Khai thác và sử dụng nguồn nhân lực để thúc đẩy, mở rộng công tác liên kết, hợp tác giữa nhà trường với các doanh nghiệp của khoa Cơ khí động lực, trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh</i> . Bài báo đăng trên Tạp chí Cơ khí Việt Nam. 09.2024, Chi số ISSN: 2615-9910, trang 33-42.	Tạp chí ngành

5.2. Hợp tác quốc tế.

5.2.1. Kết quả hợp tác quốc tế đã đạt được

Hoạt động hợp tác quốc tế trong năm học vừa qua, hoạt động đã đạt được một số kết quả như sau:

- Liên hệ, kết nối với Bộ Năng lượng mở nước CHDCND Lào về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo diện tự túc cũng như trao đổi chương trình đào tạo ngắn hạn cho cán bộ, nhân viên.

- Thực hiện việc lập kế hoạch và tiếp đón các đoàn khách trong và ngoài nước đến thăm và làm việc với Nhà trường. Trong năm học vừa qua, nhà trường đã đón tiếp và làm việc với 05 đoàn khách quốc tế đến thăm và trao đổi các chương trình hợp tác cũng như ký kết các thỏa thuận phù hợp 2 bên, bao gồm: Trường ĐH Quảng Tây (Trung Quốc); ĐHCNQG Cao Hùng (Đài Loan); ĐH Soonchuyang (Hàn Quốc); Cơ quan Thương mại và Đầu tư Chính phủ Australia, Đại sứ quán Australia và Trường Saskatchewan Polytechnic (Canada).

- Quản lý hộ chiếu 150 lưu học sinh Lào, hoàn thiện các thủ tục khai báo xuất nhập cảnh với cơ quan cấp trên, đảm bảo an toàn, hiệu quả; đồng thời thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các công việc phát sinh trong quá trình quản lý lưu học sinh.

- Duy trì mối quan hệ các mối quan hệ hợp tác với các trường đại học có biên bản ghi nhớ thông qua các hoạt động trao đổi thư từ, gửi thư chúc mừng các ngày lễ, tết.

- Liên hệ và đăng ký cho 03 sinh viên Nhà trường tham gia chương trình trại hè trực tuyến do Trường ĐH Kỹ thuật Mỏ Trung Quốc tổ chức.

- Đăng kí và hoàn thiện hồ sơ thực hiện dự án STRIVE được tài trợ bởi Chương trình Erasmus+ của Liên minh Châu Âu. Đây thực sự là kinh nghiệm quý báu đối với Nhà trường trong việc triển khai thực hiện dự án quốc tế cũng như có nhiều cơ hội tiếp xúc, triển khai tham gia thêm nhiều dự án trong tương lai.

5.2.2. Phương hướng, nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong năm 2024 và giai đoạn tiếp theo

Triển khai hợp tác với các trường, doanh nghiệp trong nước:

- Hợp tác tài trợ các dự án nghiên cứu khoa học cho học sinh, sinh viên Nhà trường. Hợp tác trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước; hỗ trợ đào tạo và tư vấn cho sinh viên các kiến thức thực tế nhằm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Hợp tác về giảng dạy và chia sẻ tri thức nhằm kết nối, thu hút các nhà khoa học trong khu vực và thế giới để cùng nhau triển khai một số chương trình giảng dạy, tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận tinh hoa tri thức toàn cầu.

- Hợp tác về cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu nhân lực thực tiễn của ngành, đặc biệt là nguồn nhân lực về thực hành cho doanh nghiệp.

5.2.2.1. Triển khai hợp tác với các tổ chức quốc tế

- Tiếp tục mở rộng các mối quan hệ hợp tác phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của các bên. Chủ động tìm kiếm cơ hội, tham gia vào các dự án hỗ trợ giáo dục và đào tạo từ các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ cũng như đáp ứng yêu cầu về hội nhập.

- Tìm kiếm các nguồn học bổng toàn phần dành cho giảng viên cũng như sinh viên nhà trường. Tích cực tham gia các chương trình trao đổi và thực tập, đặc biệt chú trọng đến các chương trình dành cho sinh viên.

- Tiếp tục duy trì ổn định mối quan hệ với các trường đại học của Trung Quốc. Dự kiến liên hệ ký kết thỏa thuận với 02 đối tác mới.

- Lựa chọn, tìm nguồn học bổng từ các cơ quan, tổ chức nước ngoài để cử cán bộ đi NCS nâng cao trình độ. Khuyến khích giảng viên và người học tham gia các hội thảo, dự án, chương trình hợp tác.

- Liên hệ, lập kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho đoàn cán bộ nước CHDCND Lào đảm bảo tiến độ và kế hoạch. Mở rộng quan hệ hợp tác với 3 tỉnh Bắc Lào trong quản lý và đào tạo lưu học sinh Lào.

5.2.2.2. Giải pháp thực hiện

- Bám sát các thỏa thuận hợp tác với các đối tác, liên hệ để triển khai hiệu các thỏa thuận về trao đổi học thuật, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên...

- Tìm kiếm các nguồn học bổng, cử các cán bộ giáo viên có trình độ chuyên môn cao sang trường bạn học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Thúc đẩy hợp tác tuyển sinh với CHDCND Lào; xây dựng kế hoạch cụ thể việc tổ chức lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ Lào; phối hợp tuyển sinh chương trình thạc sĩ tại Lào.

- Tận dụng các mối quan hệ của các tiến sĩ được đào tạo từ nước ngoài để tìm kiếm và xây dựng cơ hội hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng chiến lược phát triển HTQT trong trung và dài hạn, những quy định nội bộ về công tác HTQT và có chế độ khuyến khích cán bộ viên chức, các đơn vị trong Nhà trường thực hiện các đề tài NCKH có liên kết với nước ngoài; tìm kiếm các dự án tài trợ cho hoạt động NCKH, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Nhà trường từ các tổ chức quốc tế;

- Tích cực nghiên cứu xây dựng chính sách, giải pháp thực hiện thiết lập các mối QHQT với các doanh nghiệp và tập đoàn quốc tế lớn, nhằm thu hút nguồn tài trợ, cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực như: cung ứng nguồn nhân lực, đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

5.3. Hợp tác doanh nghiệp

Nhà trường đã hợp tác với nhiều doanh nghiệp để sinh viên thực hành/thực tập về Công nghệ kỹ thuật ô tô (Các thỏa thuận hợp tác trong phụ lục đính kèm).

Hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học giữa Trường với một số cơ sở đào tạo, nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các địa phương khác đã và đang được triển khai thực hiện theo kế hoạch, bước đầu đạt được kết quả tốt. Nhà trường triển khai chương trình ngày hội việc làm và kết nối doanh nghiệp, phối hợp với Công ty TNHH Điện lực AES Mông Dương trao tặng học bổng tương lai cho sinh viên đào tạo khối ngành kỹ thuật tại trường.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

Khoa cơ khí- Động lực thuộc trường đại học công nghiệp Quảng Ninh sẽ trực tiếp quản lý Ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật ô tô

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Bảng 6.1: Danh sách các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Khoa

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Quý Chiến, 08/05/1973, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2015	Cơ khí - Động lực	
2	Nguyễn Bá Thiện, 04/03/1979, Phó trưởng khoa	Thạc sĩ, 2009	Khai thác, bảo trì ô tô, máy kéo	

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT đã thống nhất quy định chung về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo của các trình độ của giáo dục đại học quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra, phải bảo đảm nguồn lực để triển khai đề án mở ngành đào tạo đạt hiệu quả; thẩm định về dự báo rủi ro, các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp xảy ra rủi ro khi mở ngành đào tạo.

Rủi ro là thuật ngữ dùng để chỉ khả năng xảy ra biến cố bất thường với hậu quả thiệt hại hoặc mang lại kết quả không như dự tính. Theo Viện kiểm toán nội bộ của Mỹ: “Rủi ro là tính bất thường (tính không chắc chắn) của một sự kiện xuất hiện mà nó có thể gây ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu”.

7.1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

- Rủi ro về việc tuyển sinh không đủ số lượng;
- Rủi ro do dịch bệnh diễn biến phức tạp phải, phải giảng và học tập online;
- Rủi ro do việc tuyển sinh không gắn với gắn với nhu cầu nhân lực của địa phương và vùng;
- Rủi ro do chương trình đào tạo cũng như điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành/trường;

- Rủi ro do đối thủ cạnh tranh không lành mạnh
- Rủi ro do các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng...
- Rủi ro xảy ra do hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của Nhà trường và Khoa.

7.2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

Thực tế cho thấy, rủi ro tồn tại ở mọi nơi, trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực đào tạo nói chung và đào tạo ngành CNKT Ô tô nói riêng. Với xu thế đào tạo đại trà như hiện nay, hoạt động đào tạo của các trường thể hiện sự rủi ro ở nhiều phương diện nhưng thể hiện rõ nhất ở phương diện là: Rủi ro trong công tác tuyển sinh, rủi ro về tài chính, rủi ro về nhân lực. Để có thể khắc phục được các rủi ro trên, Khoa và Trường cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp;
 Chú trọng lộ trình đào tạo Tiếng Anh, Kỹ năng mềm, Kỹ năng thực hành nghề;
 Sử dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo bảo đảm tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ trên 90%;

Trang bị cơ sở vật chất hiện đại: Giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm;
 Mở rộng các mối quan hệ với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tạo đầu ra cho sinh viên ngay khi tốt nghiệp.

Tăng cường công tác truyền thông, quảng bá tuyển sinh, quan hệ hợp tác quốc tế
 Có kế hoạch tuyển dụng đội ngũ nhân sự chất lượng cao.

Mức thu học phí phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc biệt Danh mục ngành CNKT Ô tô được nằm trong chính sách hỗ trợ học phí từ phía UBND Tỉnh Quảng Ninh.

7.3. Giải pháp và phương án xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo, để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên. Nhà trường và các bên liên quan cần thực hiện các giải pháp sau:

- Cho sinh viên chuyển ngành, trường, trao đổi hợp tác trong đào tạo theo hướng dẫn trong Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT;
- Thực hiện việc luân chuyển điều động cán bộ theo quy định;
- Thoả thuận, đền bù chi phí đào tạo cho người học trong các trường hợp còn lại

VIII. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh vừa đạt Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục do Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Đại học Vinh công nhận theo Quyết định số 599/QĐ- KĐCLV ngày 27/02/2023.

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học này.

Tất cả các nội dung của đề án đăng ký mở ngành công nghệ kỹ thuật ô tô trình độ đại học đã được đăng lên website của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tại địa chỉ: <https://qui.edu.vn/>.

Ngoài ra, Nhà trường cam kết và khẳng định trên website luôn cập nhật thường xuyên các thông tin như: công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học; công khai tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 01 (một) năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của tất cả các ngành tại Trường.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ ưu tú, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh hoàn toàn có thể triển khai thành công đề án mở ngành công nghệ kỹ thuật ô tô (Mã ngành 7510205), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm 2025.

Trân trọng cảm ơn./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng